

CHỮ KINH TẬP YẾU

QUYỂN 10

PHẦN THỨ 18: LỤC ĐỘ

THỨ NHẤT: BỐ THÍ

- Duyên thuật ý
- Duyên xan ngụy
- Duyên tài thí
- Duyên pháp thí
- Duyên trạch thí
- Duyên phước điền
- Duyên tương đối.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Thực hành bố thí là căn bản của mọi việc làm, là việc đầu tiên của sáu độ, là mục đích của bốn nhiếp pháp, nên tinh xá Cấp-cô-độc đem vàng rãi mà không tiếc. Tu Đạt-noa cúng dường voi trắng cũng không tiếc lẫn còn có thể cứu ông ta thoát nạn, quên mất thân mình. Tát-đỏa bỏ thân mình để cứu các thân mạng gây yếu đói khát. Thi-tỳ cắt thịt bấp vế đổi thức ăn cho chim ưng. Huống nữa, đất nước, vợ con, lo nghĩ sao cho đủ, của báu cất chứa trong kho thù giữ trong ý. Sách thế tục nói: Cởi áo bỏ ăn, xoa từ đầu đến chân, xe ngựa, áo lông cừu cho bạn cùng che thân, xem thường tài vật, trọng nghĩa khí, tôn kính người hiền, quý kẻ sĩ, vả lại tài vật vô thường. Con người sanh ra để làm gì mà phải khổ tâm cất chứa, rốt cuộc bố thí gì? Ấy là bốn sự lo sợ cất xén, năm nhà tranh giành cướp đoạt. Sao có người trí lại thường quen với vật quý xem ra còn hơn người ngu, lẫn tiếc tài của nhà cửa, xa xỉ, phóng túng tâm ý không có tâm xả nên tan thân mất mạng; chỉ vì tham lam, nên thường sợ chết, khiến cho vợ con hiềm khích, anh em bất hòa, bà con xa lìa, bạn bè cách biệt. Tất cả đều do nhân keo kiệt, duyên keo

kiệt, pháp keo kiệt, nghiệp keo kiệt, nếu là tâm Bồ tát sẽ bị chướng ngại đạo từ bi, không sanh tâm cứu giúp, chỉ làm tổn hại người. Tội lỗi như vậy đều do tham lam làm căn bản.

Thứ 2: Duyên keo kiệt đối trá

Kinh Bồ tát Xứ thai Đức Phật nói kệ:

*Người đời nhiều ngu si
Giữ chặt không bố thí
Chứa ngàn vạn ức của
Cho rằng là của ta.
Đến khi lúc lâm chung
Nhìn thấy quỷ thần ác
Gió dao cắt xẻ thân
Ra vào không ngừng nghỉ.
Biết tham theo thiện ác
Thọ báo nhiều khổ vui
Sẽ đến nơi chịu tội
Cầu hối cải sao kịp?*

Kinh Tác giá ni kiền tử, kệ:

*Người tham cất chứa nhiều
Có không sanh nhàm chán
Vô minh tâm điên đảo
Thường nghĩ tổn hại người
Hiện tại nhiều oán ghét
Lúc chết đạo đường ác
Thế nên các bậc trí
Cần phải thường biết đủ.
Tiếc của không bố thí
Cất giấu sợ người biết
Lúc chết đi tay không
Ở ngã quỷ chịu khổ.
Chịu đói khát nóng lạnh
Sầu khổ thường nung nấu
Người trí không cất chứa
Diệt tâm tham keo kiệt.*

Kinh Phân biệt nghiệp báo nói kệ:

*Gốc tu là bố thí
Tính nóng nhiều sân giận*

*Không nhớ nghĩ chơn chánh
Sau làm rộng lớn mạnh.*

Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh dạy: Nếu thấy người xin ăn mặt mày nhăn nhó, chân quy xuống, nên biết người này trong nạn quỷ mới ra.

Kinh Đại Tập dạy: Có bốn pháp làm chướng ngại Đại thừa. Những gì là bốn? Một là không thích bố thí. Hai là bố thí rồi hối tiếc. Ba là bố thí rồi thấy lỗi lầm. Bốn là không niệm về sự khổ mà bố thí. Lại có bốn pháp. Một vì tham mà bố thí. Hai vì sân giận mà bố thí. Ba vì si mê mà bố thí. Bốn vì lo sợ mà bố thí. Lại có bốn pháp: Một là không hết lòng bố thí. Hai là không tự tay bố thí. Ba là bố thí không hiện kiến. Bốn là bố thí mà xem thường. Kinh Ưu-bà-tắc, Đức Phật dạy: Bồ tát bố thí xa lìa được bốn điều xấu ác: Một là phá giới. Hai là lưới nghi. Ba là tà kiến. Bốn là keo kiệt. Lại xa lìa năm pháp: Một là khi bố thí không chọn có đức hay không. Hai là khi bố thí không nói tốt xấu. Ba là khi bố thí không chọn dòng họ. Bốn là khi bố thí không xem thường người cầu xin. Năm là khi bố thí không nói mắng nhiếc. Lại có ba việc khi bố thí mà không được quả báo tốt đẹp: Một là vì trước thì phát tâm nhiều sau cho ít. Hai là lựa chọn vật xấu đem bố thí cho người. Ba là bố thí rồi tâm hối tiếc. Lại có tám việc bố thí mà không thành tựu quả vị tối thượng: Một là bố thí rồi mà thấy người đó có tội. Hai khi bố thí mà tâm không bình đẳng. Ba là bố thí rồi mà mong cầu họ đền đáp. Bốn là bố thí rồi mà thích khen ngợi mình. Năm là nói suông sau chẳng bố thí gì. Sáu là bố thí rồi mà nói xấu, mắng nhiếc. Bảy là bố thí rồi mà cầu trả lại gấp bội. Tám là bố thí rồi mà sanh tâm nghi ngờ. Chủ bố thí như vậy thì không thể gần gũi, gặp chư Phật và các bậc Hiền Thánh. Nếu đem đủ sắc thanh hương vị xúc mà cúng dường thì người đó gọi là bố thí thanh tịnh.

Người bố thí ruộng phước lành mà thiên lệch, thường không thích bố thí, người này vị lai sẽ bị quả báo không ưa bố thí.

Nếu người bố thí rồi mà hối tiếc, hay ăn cắp vật của người mà bố thí, người này vị lai tuy được tài của nhưng cũng bị hao tổn không tích chứa được.

Nếu làm phiền não bà con để được vật mà bố thí, người này vị lai tuy được phước báo nhiều nhưng thân thường bệnh khổ.

Nếu người trước không biết hiếu dưỡng cha mẹ, làm khổ sở vợ con, nô tỳ, thiếu thốn mà bố thí gọi là người ác, gọi là bố thí giả danh, không gọi là bố thí đúng nghĩa. Người bố thí như vậy gọi là không có tâm thương yêu, không biết báo ân, người này vị lai tuy được tài của quý giá nhưng thường mất không tích lũy được, không biết sử dụng,

thân nhiều bệnh khổ.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Người không có tài của mà tự cho là có, tức là không đúng? Vì sao? Vì tất cả nước, cỏ là của mọi người, tuy là quốc vương nhưng không hẳn là có thể bố thí, dù nghèo cũng có thể bố thí, vì sao? Vì người nghèo có phần ăn của họ, ăn rồi rửa bát, lấy nước đã rửa bát đem bố thí vẫn dùng được cũng có phước đức. Nếu đem bột gạo rang bằng bụi trần bố thí cho kiến nhỏ cũng được phước báo vô lượng phước đức. Mọi người quá khổ cực, ai mà không có bột gạo bằng hạt bụi để cho người nghèo thiếu thốn? Ai lại không có y phục để lộ thân đỏ? Nếu có y phục sao lại không có sợi chỉ, cây kim bố thí cho người, để băng vết thương, như cho tài vật bằng ngón tay làm tim đèn vậy. Nay thiện nam! Người trong thiên hạ, có ai thấy người nghèo khổ mà không có thân hình? Thế nên, họ có thân thể như vậy thì người khác có thể làm phước, nên ra sức quét tước cũng được phước báo. Do đó, luận Thành thật dạy: Quét dọn đất Tăng bằng côi Diêm phù đề không bằng quét đất Phật như bàn tay.

Luật Tứ phần và luật Sa-di tắc dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Bạt-đề có cư sĩ tên là Mãn-nại có oai lực lớn tiền của trân báu rất nhiều, cứu giúp tài vật cho người tùy ý, trong kho có hố thật lớn như trục xe, lúa gạo tự hiện ra. Người vợ dùng tám thăng gạo làm thức ăn để nuôi bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, ăn mãi vẫn không hết, con của họ dùng ngàn lạng vàng để cho bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, tùy ý cho mãi vẫn không hết. Vợ của người con lấy túi hương thơm xoa lên bốn bộ binh và người ăn xin bốn phương, tùy ý cho khiến no đủ, hương thơm cho mãi không hết. Người hầu lấy cày để cày đất thì bầy gò đất hiện ra rất nhiều lúa gạo, người hầu lấy tám thăng lúa cho bộ bốn binh người và ngựa ăn mãi vẫn không hết. Trong nhà người lớn hay nhỏ đều đều tranh cãi, mỗi người đều nói: Đó là năng lực phước đức của tôi. Mãn-nại đến chỗ Phật thưa hỏi: Ấy là do năng lực của ai? Đức Phật dạy: Mọi người đều có. Xưa trong thành Vương xá, người thợ may có vợ một đứa con trai và con dâu cùng với người hầu trai, hầu gái, lúc mọi người cùng ăn có vị Bích chi Phật đến nhà khát thực, mọi người đều cùng nhau chia bớt phần ăn để cúng dường. Vị Bích chi Phật nói: Mỗi người cho bớt một tí, rất nhiều người các người thì ta đã đủ rồi. Họ liền cùng nhau cúng dường, vị Bích chi Phật dùng cơm xong, hiện các thần thông trong hư không rồi biến đi. Gia đình thợ may và các quyến thuộc qua đời được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương đến cõi trời Tha hóa, luân chuyển bảy lần, phước này vẫn còn nên nay cứu độ chúng

sanh. Trong kinh Tịnh nghiệp chương dạy: Nếu Bồ tát không thấy hai tướng đối đãi keo kiệt và bố thí, phạm giới và trì giới, sân giận và nhẫn nhục, biếng nhác và tinh tấn, tâm loạn và thiền định, ngu si và trí tuệ, thì gọi là các nghiệp chương thanh tịnh.

Thứ 3: Duyên bố thí tài vật

Kinh Đại Bảo Tích dạy: Bố thí tài vật có năm loại: Một là hết lòng bố thí. Hai là có đức tin bố thí. Ba là bố thí đúng thời. Bốn là tự tay bố thí. Năm là bố thí như pháp.

Luận Bồ Tát Địa Trì dạy: Tất cả bố thí tóm lược có hai loại: Một là bố thí vật bên trong. Hai là bố thí vật bên ngoài. Bồ tát bỏ thân gọi là bố thí vật bên trong. Nếu ăn rồi mà nhả thức ăn bố thí cho chúng sanh ăn gọi là bố thí bên ngoài lẫn bên trong, như đã nói ở trên gọi là bố thí bên ngoài. Bồ tát bố thí bên trong có hai loại. Một là tùy theo sự ưa thích của người khác mà vận dụng hết năng lực của mình để cứu giúp. Ví như có người vì cơm áo của bà con mà chính mình làm giúp việc cho người, Bồ tát như vậy không vì lợi ích mà chỉ vì Bồ đề Vô thượng, vì an lạc chúng sanh, vì muốn đầy đủ thí Ba la mật, tùy theo lòng mong cầu của người khác mà tự đem thân bố thí. Hai là tùy theo sự cần thiết của người khác mà đem tất cả từng phần của thân thể bố thí cho họ. Bồ tát bố thí bên ngoài có hai loại: Một là tùy theo sự mong cầu mà họ ưa thích thì vui vẻ bố thí cho họ. Hai là làm theo ý muốn của họ, hết lòng bố thí. Bồ tát bố thí vật bên ngoài bên trong có sai khác, tất cả đều bố thí bình đẳng, hoặc đã bố thí, hoặc không bố thí. Nếu đối với sự ưa thích của chúng sanh mà không an ổn, không vui vẻ thì không bố thí. Nếu đối với sự an ổn của chúng sanh mà họ không thích mà an ổn, vui vẻ thì vẫn bố thí tất cả.

Kinh Đại Tập dạy: Bồ tát bố thí có bốn việc, đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn? Một là đem giấy bút mực cúng dường Pháp sư để viết kinh sách. Hai là dùng đủ thứ để trang hoàng tòa đẹp cúng dường pháp sư. Ba là đem các thứ cần dùng cúng dường tôn kính pháp sư. Bốn là không có tâm đua nịnh khen ngợi pháp sư.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu cúng dường y áo thì được sắc tướng tốt đẹp, hay dùng thức ăn cúng dường thì được sức khỏe phi thường, nếu dùng đèn cúng dường thì được mắt sáng tỏ, nếu dùng xe cúng dường thì thân được an lạc, nếu cúng dường nhà thì được tất cả, nếu đem vật sạch đẹp thì sau được sắc đẹp mọi người thích ngắm nhìn, tiếng lành vang khắp, mong cầu như ý, sanh vào dòng họ cao quý. Đây không gọi

là ác.

Nếu có người tự làm y áo tốt đẹp, các đồ dùng với tâm hoan hỷ, mình chưa dùng mà đem bố thí cho người, vị này ở đời vị lai sẽ được cây Như ý. Hoặc có người thường phát nguyện bố thí cho người ăn trước, sau đó mới ăn, nếu trái với lời nguyện phạm vào vật của Phật thì sanh lòng tầm quý, nếu không trái phạm thì được nhân duyên của trí tuệ vi diệu. Người bố thí như vậy là tối thượng trong các pháp bố thí. Người này gọi là bố thí tối thượng.

Nếu bố thí vợ con, người hầu, cơm áo với tâm thương yêu vui vẻ để bố thí, trong đời vị lai được phước đức vô lượng. Nếu thấy trong ruộng có nhiều chuột, chim sẻ ăn phá lúa thì nên thương yêu nghĩ: Chuột, chim này nhờ ta mà sống. Nghĩ vậy, nên vui vẻ không làm hại chúng. Nên biết người này được phước vô lượng. Kinh Đại Bồ tát tạng dạy: Bồ tát đắc quả Vô thượng Bồ đề, nên thực hành bố thí ba la mật đa, đã tu tập bố thí, thì được mười lợi ích khen ngợi. Những gì là mười? Một là Đại Bồ tát dùng năm dục tốt đẹp bố thí thì được đầy đủ giới thanh tịnh, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Hai là Bồ tát đem niềm vui tuyệt vời, và những vật yêu thích mà bố thí thì được đầy đủ pháp an vui, thanh tịnh. Ba là Bồ tát đem tất cả bố thí nên cảm ứng đầy đủ pháp nghĩa viên mãn, hưởng đến tòa Bồ đề tròn đủ. Bốn là Bồ tát bố thí tay nên cảm ứng được tay pháp thanh tịnh viên mãn, cứu vớt tất cả chúng sanh. Năm là Bồ tát bố thí tai, mũi được thành tựu viên mãn các căn. Sáu là Bồ tát đem các chi phần bố thí nên được thân Phật oai nghiêm thanh tịnh không nhiễm. Bảy là Bồ tát bố thí mất được mất pháp thanh tịnh, nhìn thấy tất cả chúng sanh, đầy đủ không chướng ngại. Tám là Bồ tát bố thí máu thịt được thân kiên cố, bảo vệ nuôi dưỡng tất cả chúng sanh, chơn thật với đầy đủ phương tiện khéo léo. Chín là Bồ tát bố thí tủy não nên được đầy đủ các thân Kim cang viên mãn không thể phá hủy. Mười là Bồ tát bố thí đầu não thì chứng được đầu trí tuệ Nhất thiết trí Vô thượng tối thượng viên mãn vượt khỏi ba cõi. Nay Xá-lợi tử! Vị Đại Bồ tát thực hành Bồ đề bố thí như vậy, tướng mạo giáo hóa như vậy, viên mãn pháp Phật, lợi ích tán thán công đức vi diệu đều là đầy đủ pháp bố thí Ba la mật. Bây giờ, Thế tôn nói kệ:

*Bố thí không cầu tài, sắc đẹp
Cũng không nguyện đến cõi trời, người
Ta cầu quả Bồ đề tối thượng
Thí vậy liền được phước vô lượng.*

Thứ 4: Duyên bố thí pháp

Thuật: Ở đây, so sánh rõ tương đối về Tài và Pháp, mạnh yếu, nên luận Trí độ dạy: Đức Phật thuyết giảng bố thí thì bố thí pháp đứng đầu. Vì sao? Vì bố thí tài vật có hạn lượng, bố thí pháp thì không. Bố thí tài vật được phước báo dục giới còn bố thí pháp thì ra khỏi tam giới. Bố thí tài vật không thể diệt trừ phiền não còn bố thí pháp thanh tịnh qua bờ kia. Bố thí tài vật chỉ cảm ứng phước báo trời người còn bố thí pháp thì cảm ứng quả ba thừa. Bố thí tài vật thì người ngu và bậc trí đều làm, còn bố thí pháp chỉ có người trí. Bố thí tài vật thì chỉ có người bố thí được phước còn bố thí pháp người nghe và người thuyết đều có lợi ích. Bố thí tài vật ngu như súc sanh cũng có thể nhận, còn bố thí pháp chỉ hạn cuộc người thông minh. Bố thí tài vật chỉ lợi ích sắc thân còn bố thí pháp lợi ích tinh thần. Bố thí tài vật tăng thêm bệnh còn bố thí pháp có thể diệt trừ ba độc, nên kinh Đại tập dạy: Bố thí vật báu tuy nhiều nhưng không bằng chí tâm đọc một bài kệ. Bố thí pháp tối thắng vi diệu hơn hẳn ăn uống.

Kinh Vị Tăng Hữu dạy: Thiên đế hỏi Dã can: Bố thí thức ăn và bố thí pháp có những công đức gì, nguyện xin giảng rõ. Dã can đáp: Bố thí thức ăn thì cứu vớt mạng sống trong một ngày, bố thí tài vật quý báu, thì cứu giúp thiếu thốn một đời nhưng tăng thêm sự trói buộc còn thuyết pháp giáo hóa gọi là bố thí pháp có thể khiến chúng sanh vượt khỏi thế gian.

Luận đại trượng phu dạy: Bố thí tài vật thì đời đạo đều có, còn người bố thí pháp chỉ có lòng từ bi. Bố thí tài vật trừ được khổ của thân còn bố thí pháp trừ khổ ở tâm của chúng sanh. Bố thí tài vật thì cho người nhiều tham muốn, tài vật quý báu cho người nhiều ngu si. Người bố thí tài vật và pháp thì được tiền tài vô tận, người bố thí pháp được trí tuệ vô tận. Người bố thí tài vật thì được thân vui vẻ. Người bố thí pháp thì tâm được an lạc. Người bố thí tài vật thì được chúng sanh yêu mến. Người bố thí pháp thì được thế gian tôn kính. người bố thí tài vật thì được người ngu yêu thương. Người bố thí pháp thì được người trí kính mến. Người bố thí tài vật thì đem niềm vui đến cho họ. Người bố thí pháp thì đem niềm vui cõi trời và Niết bàn, như kệ nói:

*Trí Phật như hư không
Bi lớn như mây quyện
Thí pháp như mưa ngọt
Trần đầy hồ Ám, Giới.
Bốn Nhiếp làm phương tiện*

*Nhân an lạc giải thoát
Tu tập tám chánh đạo
Đắc được quả Niết bàn.*

Kinh Nguyệt đăng Tam muội, Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát thực hành bố thí pháp có mười điều lợi ích. Những gì là mười? Một là từ bỏ việc ác. Hai là thường làm việc lành. Ba là trú pháp thiện của người. Bốn là làm tịnh cõi Phật. Năm là hướng đến đạo tràng. Sáu là bỏ được việc thương yêu. Bảy là chế ngự phiền não. Tám là chúng sanh cúng dường thì được phần phước đức. Chín là đối với chúng sanh tu tập tâm từ. Mười là thấy pháp sanh an vui.

Luận Bồ tát Tùy địa dạy: Bồ tát biết những người tà kiến cầu pháp với người trí thì không troa truyền pháp cho họ, không cho quyền kinh. Nếu ai ham đắm tài vật bán kinh điển thì cũng không bố thí pháp. Nếu được quyền kinh mà che giấu thì cũng không bố thí pháp. Nếu người đó không hiểu được nghĩa lý thì không nên bố thí pháp. Nếu những người đó hiểu được lý nghĩa quyền kinh này thì tự biết nghĩa, liền trì kinh tùy theo chỗ an lạc mà giảng cho họ. Nếu chưa hiểu nghĩa lý thì tự tu học. Lại biết người ấy có quyền kinh như vậy thì nên chỉ cho họ nghĩa lý, hoặc đem sách cho. Bồ tát nên quán tâm mình, người có ít pháp keo kiệt thì nên cho họ kinh, tức là bố thí pháp. Ta thà ở hiện tại bị ngu si, cảm ngong mà bố thí pháp để diệt trừ phiền não vẫn còn bố thí hưởng nữa đời vị lai được trí tuệ phương tiện. Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu bà di giáo hóa người đầy đủ Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ nếu dùng giấy bút cho người biên chép hay tự mình biên chép chánh kinh của Như lai, sau đó bố thí cho người đọc tụng, đó gọi là bố thí pháp. Người bố thí pháp như vậy, đời vị lai sẽ được lên cõi trời nhan sắc tuyệt đẹp. Vì sao? Vì chúng sanh nghe pháp đoạn trừ sân giận, nhờ nhân duyên ấy nên ở đời vị lai được sắc tuyệt đẹp. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm thương yêu không giết hại, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được sống lâu. Do chúng sanh nghe pháp nên không cướp đoạt vật của người, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được nhiều tài của. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm khai mở ưa thích bố thí, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được thân mạnh khỏe. Do chúng sanh nghe pháp nên tâm xa lìa phóng dật, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được thân an lạc. Do chúng sanh nghe pháp nên trừ bỏ tâm sân giận, ngu si, vì nhân duyên đó nên đời vị lai được vô ngại. Do chúng sanh nghe pháp nên có đức tin không chướng ngại, vì nhân duyên đó nên đời vị lai có tín tâm sáng tỏ. Giới, Thí, Đa văn, Trí tuệ cũng như vậy, cho nên biết bố thí

pháp là tối thắng hơn hẳn bố thí tài vật.

Hỏi: Khi đã biết bố thí pháp hơn hẳn bố thí tài vật, nên nay chúng sanh chỉ học bố thí pháp mà không hành bố thí tài vật, chưa biết có được không?

Đáp: Vì không hiểu bố thí tài vật, tâm mê chấp mà bố thí, tạm cầu quả báo sắc đẹp và tiếng tốt của trời người, e rằng sẽ bị đọa ba đường ác không ra khỏi đời. Sở dĩ, các bậc Thánh ân cần khuyến khích bố thí pháp vì khiến cho họ ngộ giải được ba sự thể là Không mà thực hành bố thí tài vật để nhanh chóng chứng quả vị Bồ đề Niết bàn tối thắng.

Luận Trí độ dạy: Năm độ trước ví như người mù. Độ Trí tuệ thứ sáu như người có mắt. Nếu không được trí tuệ dẫn đường thì năm độ trước đọa vào đường ác, không thành xuất thế. Nếu nghe bố thí pháp hơn hẳn bố thí tài vật mà người ngu không hiểu liền giấu kín tài vật, chỉ ưa thích tụng kinh, nếu thực hành pháp như vậy thì không bằng người hiểu bố thí một đồng tiền còn hơn người mê đọc tụng trăm ngàn vạn quyển kinh. Vì vậy, Như Lai mới đưa ra ý chỉ của giáo để hiểu và hành. Nếu chỉ hiểu mà không hành thì sự hiểu đó chỉ là hư. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì hành đó cũng là suông không. Vì thế, điều chủ yếu là phải hiểu và hành mới đạt đến bờ kia. Nếu chỉ hiểu mà không hành, thì như người có mắt mà không có chân không thể bước đi được. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì như người có chân mà không có mắt sao có thể thấy đường! Lại chỉ có hiểu mà không hành thì như hoa bị hư, không thể kết trái được. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì như có quả thật mà không do hoa nở. Vậy nên, điều cần thiết là Hiểu và Hành phải song song mới chứng quả vị Phật.

Thứ 5: Duyên suy lường bố thí

Thuật rằng: Là người bố thí có người trí kẻ ngu. Nếu người trí hành bố thí thì cần xem người trước, có ích mới thí, không ích lợi thì thôi. Thế nên, kinh Ưu-bà-tắc giới kinh dạy: Nếu thấy người bần cùng thì trước nên nói: Người có thể quy y Tam bảo, thọ trì trai giới không? Nếu người ấy nói được, thì trước truyền Tam quy y và trai giới, sau mới bố thí tài vật. Nếu nói không được thì lại bảo: Người có thể theo lời dạy của ta mà nghĩ: Tất cả pháp là Vô thường, Vô ngã, Niết bàn vắng lặng không? Nếu nói được thì nên dạy bảo rồi bố thí. Như người đó không có tài vật thì ngoài sự dạy bảo ra còn cho tài vật để làm việc bố thí. Nếu người đó ngu si ham chấp tài vật không biết Vô thường, vật thuộc của người khác mà tham lam lẫn tiếc. Bồ tát thấy vật này không có lợi liền

vội vàng bố thí, bỏ đi để tu đạo nghiệp. Trong luận Đại trang nghiêm dạy: Nếu vật làm cho người khổ não thì không nên cất giữ, tự ý bày ra vật quý thì chắc chắn bị mất. Như ong hút mật, người khác có thì ta mất. Vật quý cũng như vậy, vật đem bố thí có đúng pháp và không. Vật không đúng pháp là tự ý đem bố thí được phước rất ít. Vật đúng pháp là bố thí thì được phước rất nhiều. Kinh Đại Bảo Tích dạy: Vật không nên bố thí lại có năm việc. Một là người cầu tài vật phi lý thì không bố thí cho họ, vì vật bất tịnh. Hai là rượu, thuốc độc thì không bố thí cho họ, vì làm rối loạn chúng sanh. Ba là lưới, bẫy thì không bố thí cho họ, vì làm não loạn chúng sanh. Bốn là dao gậy, cung tên thì không bố thí cho họ, vì làm hại chúng sanh. Năm là nữ sắc, âm nhạc thì không bố thí cho họ, vì làm hoại tâm thanh tịnh của người.

Luận Địa Trì dạy: Bồ tát không dùng thức ăn bố thí không như pháp. Nghĩa là bố thí thức ăn dư cho người xuất gia, thức ăn dơ như: Phân dơ, nước miếng, máu mủ không được nói là không biết, cơm và lúa tẻ trộn lại không như pháp thì nên bỏ, không được ăn hành và các thứ cay nồng, không ăn thịt, không uống rượu nồng nặc. Hòa hợp những thứ như vậy là không như pháp, chớ nên bố thí cho người và cất giữ.

Luận Trí Độ dạy: Nếu người dùng roi đánh đập, tra khảo, giam cầm để được vật bố thí thì đời sau sanh trong loài voi ngựa, bò đã làm thân súc sanh lại phải chở nặng, bị roi đánh, người cỡi kéo xe mới được chuồng tốt thức ăn ngon, vì làm việc nặng cho người mới được cung cấp. Lại như người ác nhiều sân giận, quanh co không ngay thẳng mà bố thí thì sẽ bị đọa trong loài rồng được cung điện báu, thức ăn ngon, sắc đẹp. Người nhiều kiêu mạn, tâm giận dữ mà bố thí thì đọa làm chim cánh vàng thường được tự do, có ngọc quý như ý để làm chuỗi hạt, những thứ cần dùng đều được vừa ý, biến đổi vạn điều đều được thành tựu. Lại như quan lại bắt ép dân chúng không theo pháp trị để được tài vật dùng bố thí thì bị đọa quỷ thần trong loài quỷ Cưu bàn trà, có nhiều biến hóa năm trăm để tự vui chơi. Lại như người nhiều sân giận ngu si nếm rượu và thịt ngon mà bố thí thì đọa vào quỷ Dạ-xoa thường đủ thứ âm nhạc vui chơi, ăn uống. Người quá ưu phiền cứng cỏi mà bố thí xe ngựa thay cho đi bộ thì đọa làm quỷ Dạ-xoa, có sức mạnh đi lại như gió. Lại có người ganh ghét thích tranh cãi, lại bố thí phòng nhà, chỗ nằm, y áo thức ăn ngon thì sẽ sanh trong cung điện, thấy Dạ-xoa bay đi, đủ các vật khoái lạc thân thể. Nếu người trước làm não hại người, cưỡng cầu người, vật để kinh doanh làm phước thì chuốc lấy tội đó, không bằng tịnh tâm tu sửa bên trong thì được lợi ích lớn.

Luận Địa Trì dạy: Nếu có Bồ tát bố thí làm cho người khác chịu khổ, hay bức bách họ, hay lừa dối lấn áp để tìm cầu vật không đúng pháp, năng lực của mình và người không theo ý muốn. Nếu làm vì chúng sanh thì dù có bỏ mất thân mạng cũng không theo ý muốn của họ, khiến họ phải bức bách thì không nên bố thí, chẳng phải là Bồ tát bố thí thanh tịnh. Bồ tát không bố thí bên ngoài là, nếu có chúng sanh mưu cầu những phi pháp như nữ sắc, lửa, dao, rựa, làm mô giới để vui chơi đến xin thì Bồ tát không bố thí, nếu vì bố thí cho người thì sẽ sanh nhiều tâm xấu, đọa vào đường ác không đến bờ kia. Nếu người khác đến cầu xin từng phần thân ta thì nên bố thí cho họ, không nên suy tính người kia đến trước người thì họ sẽ thối tâm.

Kinh Ưu-bà-tắc dạy: Nếu làm náo hại bà con để được vật bố thí thì người này ở vị lai tuy giàu có nhưng thường bệnh khổ. Nếu trước không hiếu dưỡng cha mẹ, náo hại vợ con, nô tỳ mình khốn khổ để bố thí thì gọi là người ác. Đây gọi là bố thí giả danh, không phải bố thí đúng nghĩa. Người bố thí như vậy gọi là không thương yêu, không biết báo ân, người này vị lai tuy được tài vật quý báu nhưng không thể cất chứa, không biết cách sử dụng, thân nhiều bệnh khổ. Vì đây là bằng chứng cưỡng bắt người, vật để kinh doanh tu phước nên chuốc lấy quả báo khổ. Hôm nay, đời mạng pháp đạo tục thay đổi làm sai lầm, cạnh tranh cố ý gượng ép giảng thuyết để tìm cầu tài vật, kinh doanh tu sửa chùa tháp, theo kinh mà không đúng thì chuốc lấy tội trước, không bằng ngồi yên tịnh, tu sửa bên trong, thực hành chân chánh, bên trong xa lìa thì ở đây không có lỗi lầm. Nếu ai thanh tịnh thuyết pháp cho người, ở trước người cung kính cầu pháp thì nên bố thí pháp, thuyết giảng pháp cho họ được phước trí, không được trước biết chắc chắn trộm văn của người, gom góp lại để trừ bỏ, mà lại dối hủy báng cơ hiềm, đàn áp để mong gặp phước trước. Trong luận Vô tánh nhiếp giải thích: Nếu Bồ tát thấy chúng sanh do tài sản, địa vị gặp nhiều chướng ngại mà không bố thí, chớ bố thí trống không, chẳng có quả. Giả sử có bố thí cho thì họ cũng không nhận được. Dựa vào đâu mà cho là vậy, kệ tụng:

*Như con bú sữa mẹ
Suốt tháng vẫn không chán
Nếu hòng con bị nghẹt
Sữa mẹ sao vào được.
Thà sai người tống thiếu tài vật
Xa lìa đường ác làm việc xấu
Chớ bảo giàu làm loạn các căn*

Để đời sau chịu khổ binh khí.

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên đúng thời bố thí mới được năm lợi ích. Những gì là năm? Một là bố thí cho người xa đến. Hai là bố thí cho người đi xa. Ba là bố thí cho người bệnh. Bốn là bố thí lúc thiếu thốn. Năm là nếu đầu tiên được những quả dưa, lúa thì cúng dường trước cho người tinh tấn trì giới, sau mới ăn. Do đó muốn thực hành bố thí được năm điều này thì nên suy nghĩ đúng thời mới bố thí. Nếu đúng thời thì người bố thí thanh tịnh, lại được quả báo thích hợp. Nghĩa là đúng thời bố thí thì tâm thanh tịnh. Nếu trời lạnh thì ban cho nhà ấm, mền giạ, củi lửa, những thức ăn nóng. Nếu trời nóng thì ban cho nhà mát, áo mỏng, nước, quạt và những thức ăn mát. Khi khát cho nước, đói cho thức ăn, mưa gió thì đưa rước, trời ấm áp thì thỉnh chư Tăng. Như thế, bố thí đúng thời làm cho mọi người vui vẻ, đời sau sẽ được phước báo vừa ý.

Thứ 6: Duyên về ruộng phước

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu bố thí cho loài vật thì được phước báo trăm lần, cúng dường người phá giới thì được phước báo ngàn lần, cúng dường cho người trì giới được phước báo ngàn vạn lần, ban cho ngoại đạo thì người xa lìa tham muốn được phước báo trăm vạn lần, bố thí cho người hưởng đến đạo thì được phước báo ngàn triệu lần, cúng dường bậc Tu-đà-hoàn được phước báo vô lượng, Tư-đà-hàm hưởng cũng được phước báo vô lượng, cho đến thành Phật cũng được phước báo vô lượng. Hôm nay, Ta vì người mà giảng rõ các ruộng phước. Nếu ai phát lòng thương yêu nhiều bố thí cho loài vật, chuyên tâm cung kính cúng dường chư Phật thì phước này đều bình đẳng không có khác. Nói trăm lần là được sống lâu như lời nguyện, sắc đẹp, sức khỏe, an ổn, tài năng. Bố thí như thế thì chủ bố thí được sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, an ổn, tài năng, tất cả đều được trăm lần cho đến vô lượng cũng lại như vậy. Vì thế trong Khế kinh Ta nói: Ta cúng dường Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất lại cúng dường Ta, nhưng Ta được phước nhiều hơn Xá Lợi Phất. Hoặc có người nói: Người nhận lấy làm ác thì tội của chủ bố thí, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì chủ bố thí khi bố thí để cho họ hết khổ chẳng phải để làm ác, nên chủ bố thí sẽ được quả báo tốt. Người nhận gây tội ác thì tự chuốc lấy, không phải là của chủ bố thí.

Có người hỏi: Nếu cúng dường Thánh nhân thì được phước nhiều thì tại sao kinh dạy: Người trí thực hành bố thí không chọn ruộng phước?

Đáp: Nay giải thích ý nghĩa này có nhiều hướng, nói rõ sự khác biệt người thí là người trí và kẻ ngu, cảnh vật bố thí khác nhau là tình thương và cung kính. Tình thương là thương người bần khổ, cung kính là cung kính Tam bảo. Tình thương là ruộng nhỏ mà lòng lớn, cung kính là ruộng tối thắng mà lòng nhỏ. Nếu chấp lấy tâm thù thắng mà cúng dường phật thì không bằng thí cho bần khổ. Nên kinh Tượng pháp quyết nghi dạy: Có những chúng sanh thấy người khác cùng nhau làm phước, chỉ cầu tiếng khen nên dốc hết tài sản trong nhà để bố thí. Thế mà, thấy người bần cùng khốn khổ cô quạnh lại trách mắng đuổi đi không cho dù chỉ sợi lông. Những chúng sanh này gọi là làm thiện điên đảo, nông cuồng tu phước gọi là làm phước chẳng đúng. Những người này dù quá lân mẫn, dùng nhiều tài vật bố thí nhưng được phước rất ít. Đây thiện nam! Trong một thời, Ta bảo Đại chúng: Nếu người ở trong a-tăng-kỳ kiếp dùng thân cúng dường chư Phật mười phương, Bồ tát và chúng Thanh-văn cũng không bằng người bố thí một miếng ăn cho súc sanh, phước này thù thắng vô lượng vô biên gấp trăm ngàn vạn lần phước kia, cho đến bố thí cho các loài kiến, chó đói khát thì ruộng tình thương đó tối thắng.

Luận Trí Độ dạy: Như Tôn giả Xá Lợi Phất dùng bát cơm bằng vàng dâng lên Đức Phật, Ngài liền cho lại con chó, rồi hỏi Tôn giả Xá Lợi Phất: Ai được phước nhiều hơn? Tôn giả Xá Lợi Phất thưa: Theo con hiểu nghĩa của pháp Phật thì Ngài cho chó có phước nhiều hơn.

Nếu cứ kính pháp trọng người, biết chỗ an trú tu đạo thì ruộng cung kính là tối thượng. Thế nên, kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu bố thí súc sanh thì được phước báo gấp trăm lần, cho đến Tu-đà-hoàn thì được phước báo vô lượng, Bích-chi, La-hán thì vẫn không bằng Đức Phật, huống nữa các loài khác. Nếu cứ bố thí bình đẳng không quan tâm đến tình thương hay cung kính, với lòng bình đẳng như vậy mà bố thí thì phước rất rộng lớn. Nên kinh Duy Ma dạy: Phân làm hai phần, một phần cúng dường Như Lai tối thắng khó thành Phật, một phần bố thí người ăn xin nghèo nhất trong thành thì hai ruộng phước này như nhau.

Kinh Hiền Ngu dạy: Di mẫu của Phật là Tôn giả Ma-ha-ba-xà-ba-đề được Đức Phật cho phép xuất gia, tự dệt tấm vải lụa vàng với tâm thành chỉ đợi dâng cúng Như lai. Khi thấy Đức Phật, Di mẫu vui mừng tận đáy lòng liền dâng tấm vải lụa này cúng dường Như lai. Đức Phật bảo Kiều-đàm-di: Hãy đem tấm vải này cúng dường chúng Tăng. Di mẫu lại thưa Phật: Con được Phật cho xuất gia nên thường nhớ nghĩ cố tự tay dệt tấm vải mong đợi Ngài, nguyện xin Thế tôn thương xót thọ

nhận cho con. Đức Phật bảo: Biết rằng Di mẫu hết lòng dặt vãi muốn cúng dường Ta, nhưng với tâm ân ái thì phước đức đó không lớn, nếu cúng dường chúng Tăng thì phước đó càng nhiều hơn, Ta biết, nên mới khuyên bảo như vậy.

Lại trong kinh Thỉnh Tăng Phước Điền dạy: Thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán không bằng thỉnh theo thứ tự một vị Tăng phạm phu. Trong pháp của Ta không có pháp thọ thỉnh riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng thì không phải là đệ tử của Ta, đó là pháp của Lục sư ngoại đạo. Đối với bảy Đức Phật không có pháp thỉnh riêng, nên biết cúng dường có ba loại không thể nói tóm tắt.

Thứ 7: Duyên tương đối

Thuật rằng: Ở đây tương đối phân thành năm loại.

1. Là ruộng tài tương đối có bốn: Một ruộng nhiều tài ít; Như Đồng tử cúng dường đất cho chư Đức Phật. Hai là tài nhiều ruộng ít nên đem báu bố thí cho những người nghèo. Ba là ruộng tài nhiều như đem báu quý cúng dường chư Phật. Bốn là ruộng tài ít như đem cỏ bố thí súc sanh.

2. Là tương đối nặng nhẹ có bốn: Một là tâm nặng mà tài nhẹ. Như người nữ nghèo khổ, đem một tấm vải cúng dường Đại chúng thì được phước rất nhiều. Hai là tài nặng tâm nhẹ. Như phu nhân của vua, tâm ngã mạn đem vật báu cúng dường chúng Tăng thì được phước rất ít.

3. Là tương đối trống rỗng: Một là tâm trống rỗng không phải cảnh trống rỗng, như tuy học là Không nhưng thấy tài của thì tiếc không bố thí, chịu quả báo bần khổ. Hai là cảnh trống rỗng, tâm không trống rỗng, biết bố thí tài vật được giàu sang thường được an vui, phước rất nhiều.

4. Là tương đối nhiều ít: Như kinh Pháp Cú dạy: Bố thí có bốn loại. Những gì là bốn? Một là bố thí nhiều mà được phước ít, như người ngu si cúng tế, uống rượu, ca múa làm hao tổn tiền mà không có phước đức và trí tuệ, đó là bố thí nhiều mà được phước ít. Hai là bố thí ít mà được phước nhiều, như người có lòng từ làm việc phước, chúng tăng dùng rồi tinh tấn học tụng. Cúng dường này tuy ít nhưng phước rất lớn, đó gọi là bố thí ít mà được phước nhiều. Ba là bố thí ít thì được phước ít, như tâm xấu, bố thí ngoại đạo tà kiến, cả hai đều ngu si, đó gọi là thí ít phước ít. Bốn là thí nhiều được phước nhiều. Nếu có người hiền biết đời là Vô thường với tâm tốt đem tài của xây dựng chùa tháp, tinh xá,

vườn cây, cúng dường Tam bảo, y áo, mền giày dép, giường nằm, tủ, thức ăn ngon. Phước này như năm sông lớn chảy vào biển khơi. Phước đức tuôn chảy mãi đời đời không dứt, đó gọi là bố thí nhiều mà phước đức cũng nhiều.

5. Là tương đối nhiễm tịnh. Như luận Trí Độ dạy: Trong pháp Đức Phật bố thí có bốn loại: Một là người bố thí thanh tịnh người nhận không thanh tịnh. Hai là người bố thí không thanh tịnh mà người nhận thanh tịnh. Ba là cả người thí và người nhận đều thanh tịnh. Bốn là người thí và người nhận đều không thanh tịnh. Ở đây, chỉ cần giải một câu còn những câu khác có thể biết. Thế nào là cả người bố thí và người nhận thanh tịnh? Như Đức Phật tự cúng dường Đức Phật. Đây gọi là cả hai đều thanh tịnh. Như năng lực và công đức của Đức Phật Bảo-lích ở phương Đông đã hiện ra các loại hoa, dựa vào pháp thân Thập trụ của Bồ tát Phổ-minh đưa những hoa ấy, tung lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, biết rõ chư Phật mười phương, đây là ruộng phước thứ nhất, gọi là cả hai đều thanh tịnh.

Kinh Ưu-bà-tắc giới, Đức Phật dạy: Người nào có tài của, thấy người đi xin đến mà nói gắt gỏng, nên biết người này đời sau phước đức mỏng, nghèo cùng. Người như vậy gọi là người không có tài sản tự cho là không có tài của, nghĩa này không đúng? Vì sao? Vì tất cả nước cỏ là của mọi người, tuy là quốc vương mà chưa chắc hẳn là có thể được, mà dù nghèo cũng có thể bố thí, vì sao? Vì người nghèo có phần ăn của họ, ăn rồi rửa bát, lấy nước đã rửa bát đem bố thí vẫn dùng được cũng có phước đức. Nếu đem bột gạo rang bằng bụi trần bố thí cho kiến nhỏ cũng được quả báo vô lượng phước đức. Mọi người quá khổ cực, ai lại không có bột gạo bằng hạt bụi để cho người nghèo thiếu thốn? Ai lại suốt ngày không ăn ba nắm bột để bảo tồn mạng sống, vì thế các người hãy lấy một nửa phần thức ăn để bố thí cho người xin ăn. Này thiện nam! Người cùng cực ai mà có y phục để lộ thân đỏ? Nếu có y phục sao lại không có sợi chỉ, để bố thí cho người băng vết thương, như cho tài vật bằng ngón tay làm tim đèn chằng? Người trong thiên hạ, có ai thấy người nghèo khổ mà không có thân hình? Thế nên, họ có thân thể như vậy thì người khác có thể làm phước, nên tự mình ra sức giúp đỡ vui vẻ không nhằm chán, cũng gọi là bố thí cho chúng sanh được phước đức, hoặc lúc có một phần, hoặc ngang bằng, lại có lúc hơn người. Do nhân duyên này, Ta thọ nhận thức ăn của vua Ba-tư-nặc cũng chú nguyện cho vua và người nghèo khổ đều được phước đức như nhau không khác. Như người mua bốn thứ hương: Hương xoa, hương vụn, hương bột, hương đốt,

nếu có người mua, hoặc người, hoặc cân lường đều nghe các mùi hương ấy đều không sai khác. Các hương này không mất một tí nào. Tu tập pháp bố thí cũng như vậy, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc thô hoặc tế với tâm tùy hỷ đến giúp đỡ, hay từ xa nghe mà vui mừng. Người này do tâm bình đẳng nên được phước báo không sai khác. Nếu người không có tài vật mà thấy người khác bố thí, tâm không tin, nghi ngờ ruộng phước, đây gọi là bần cùng. Nếu của báu nhiều tự tại vô ngại, lại được ruộng phước lớn mà bên trong không có niềm tin, không thực hành bố thí cũng gọi là bần cùng. Thế nên, người trí tự quán thấy một nắm thức ăn, nếu mình ăn thì được sống còn bố thí cho người khác sẽ bị chết mà vẫn bố thí, hưởng nữa là nhiều ư. Người trí lại quán, ở đời nếu có người trì giới đa văn đắc quả A-la-hán vẫn không thể đoạn dứt sự đói khát, nếu ai khó có được phòng nhà, y phục, cơm nước, đồ nằm ngồi thuốc thang, đều do đời trước không có duyên bố thí. Nếu người phá giới mà thích bố thí thì người này tuy đọa làm ngựa quỳ, súc sanh lại thường no đủ không thiếu thốn. Dù ở cõi trời giàu sang hưởng thọ khoái lạc vô lượng nhưng không biết đủ. Do đó, Ta vì an lạc vô thượng mà thực hành bố thí, không phải vì hàng trời, người. Vì sao? Vì vô thường, vì có giới hạn.

Nếu thí chủ hoan hỷ không hối tiếc, thân gần người tốt, giàu có của cải, tự tại sanh vào dòng họ cao quý được an vui của hàng trời người, đạt đến quả Vô thượng, diệt trừ tất cả phiền não trói buộc.

Nếu thí chủ tự tay mình bố thí thì được sanh vào dòng họ cao quý, nhiều vật quý báu, bà con sum vầy, thường bố thí, tất cả chúng sanh thấy đều vui mừng, thấy rồi cung kính tôn trọng khen ngợi.

Lại trong luận Đại Trượng Phu dạy: Nếu người tâm keo kiệt nhiều thì dù bố thí đất bùn vẫn quý như vàng ngọc, nếu người tâm thương yêu nhiều thì dù bố thí vàng ngọc lại nhẹ như cây cỏ. Nếu người tâm keo kiệt nhiều mà khi của báu mất mát tâm sanh nhiều phiền não. Nếu người bố thí để cho người nhận vui vẻ thì mình cũng vui. Giả sử có thức ăn ngon, nếu không bố thí cho người lại ăn một mình thì không cho là ngon. Giả sử có thức ăn không ngon mà ban cho người, sau đó mới ăn, trong tâm vui vẻ thì thức ăn ấy rất ngon. Bậc trượng phu tốt nếu bố thí rồi còn thừa mình ăn, tâm vui mừng như chứng Niết bàn, nếu người không có lòng tin thì ai tin lời nói này. Giả sử có thức ăn thô sơ, có người đói đến trước còn không bố thí hưởng nữa là vật ngon ngọt mà ban cho người. Hoặc có người ở chỗ nhiều nước mà không lấy ít nước bố thí cho chúng sanh hưởng gì tài vật quý. Người này, ở đời phân đất để được như nước. Người keo kiệt nghe người đến xin phân đất còn tiếc lẫn, hưởng

nữa là tài vật.

Như có hai người: Một người rất giàu, người khác lại rất nghèo khổ. Nếu có người xin đến, hai người này đều khổ sở lo âu. Người có tài vật thì sợ người đến xin bớt, người không có tài vật thì nghĩ: Ta phải làm thế nào để có ít tài vật cho họ. Thế là cả hai đều khổ, nhưng quả báo thì khác nhau. Người nghèo có lòng thương xót được sanh loài người hưởng thọ vô lượng an lạc. Người giàu có keo kiệt sanh làm ngựa quỳ, chịu nhiều khổ sở. Nếu Bồ tát khổ nhưng có tâm thương xót thì đã đầy đủ, hưởng nữa bố thí tài vật. Bồ tát với tâm thương yêu, không có tài vật, thấy người ăn xin không chịu được, nói không mà thương xót rơi lệ. Giả sử, nghe người khác khổ còn không chịu nổi, huống nữa thấy người khác khổ mà không cứu giúp, điều đó không xảy ra. Người có tâm từ, thấy có chúng sanh khổ cực, không có tài vật mà có thể bố thí, thương nỗi khổ than mãi không ngừng, chẳng thể nói hết. Nếu người cứu chúng sanh, thấy chúng sanh đau khổ thương khóc rơi lệ, do thế, biết người này buồn. Bồ tát khóc có ba trường hợp: Một là thấy người tu tập công đức vì tôn kính nên rơi lệ. Hai là thấy chúng sanh đau khổ không có công đức, vì xót thương nên rơi lệ. Ba là do thực hành bố thí lớn vui mừng mà rơi lệ. Nếu tính nước mắt của Bồ tát từ xưa đến nay nhiều hơn nước bốn biển. Chúng sanh ở đời xa lìa bà con thương yêu nước mắt không bằng Bồ tát. Bồ tát thấy chúng sanh nghèo khổ, không có của bố thí vì thương nên rơi nước mắt. Bồ tát nghe tiếng người ăn xin mà rơi nước mắt. Người xin thấy nước mắt Bồ tát như mưa, tuy không nói cho mà biết chắc chắn sẽ có. Bồ tát thấy người xin đến thật đau khổ. Người xin được tài vật, tâm sanh vui mừng hết khổ. Bồ tát nghe người xin nói, thương rơi nước mắt mãi không ngừng. Người xin nói đủ, bấy giờ Bồ tát mới ngừng bố thí vì chúng sanh đã đủ. Bồ tát vào núi rừng tu tập thiền định, diệt trừ ba độc, tài vật nhiều gấp bội không có người xin để bố thí. Hôm nay, ta xuất gia đoạn trừ các phiền não.

THỨ HAI: TRÌ GIỚI

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Từng nghe Giới là thầy của người, đạo tục thường thực hành, tâm làm chủ nghiệp, nên phàm Thánh đều phải chế ngự, nhờ Tam bảo mà được tài vật, bốn loài đều thấm nhuần. Nên kinh Tứ Sanh dạy: Chánh

pháp trụ hay chánh pháp diệt, ý nghĩa là chỗ đó. Do trì giới mà được phước đức, tự hiện rõ trong Đại kinh. Tánh thiện đáng tôn sùng, được trình bày rõ trong nhiều luận mới sáng tỏ. Ví như ngọc quý, các nghĩa hương xoa, việc đó đồng với tham nước mới vượt qua biển lớn, gọi là thuyền bền chắc. Sanh trưởng mầm thiện gọi là đất bằng. Thế nên Bồ tát thọ nhận nhiều như vi trần mà không thiếu khuyết. A-la-hán giữ giới bằng hạt cải cũng không phạm. Thà phải đói khát mà chết không uống nước có trùng. Thà bị trôi mà chết chứ không làm tổn hại cây cỏ. Sách ghi: Lập thân hành đạo, nêu danh ở đời sau, nói làm giữ chữ tín, nhưng cạnh tranh đấu đá, đầu để tâm phóng túng như ngựa không có dây cương và cái dầm nên rong ruổi mãi như khỉ, không có xích trói. Cái túi lọc nước bị trôi thì phạm giới, đường trước đầu có kỳ hẹn. Bình phước đức đã vỡ, duyên lành mất hẳn, người xấu cùng tụ tập, bạn bè hung ác kết thành bè đảng càng thêm gió động, tạo nhiều tội lỗi, không hổ thẹn, không biết si nhục ngày càng lớn mạnh. Lại bị chìm nổi như cành lá rau đay, rau diếp, nghệ đều là khổ. Cây quả Ha-lê thể biến thể không còn ngọt, từ sáng vào tối, không hẹn ngày ra, số kiếp tiêu diêu, đau khổ khó chịu được, ở trong chảo nước sôi sùng sục, nước hơi bốc lên đến trời, than trong lò đỏ như mặt trời vang ra tiếng nổ khắp đất, nước đồng sôi rót vào miệng làm bụng chấy gan tiêu, thân cột vào trụ đồng thì xương thịt đều tan rã, kêu la mãi. Sao nói hết những khổ này, thật ra đều do phạm giới.

Thứ 2: Duyên siêng năng trì giới

Luận Đại trang nghiêm dạy: Nếu ai chí tâm trì giới đến khi mất mạng thì được phước báo hiện tại. Xưa Ta nghe trong thành Nan đề bạc đề có hai anh em Ưu-bà-tắc cùng giữ năm giới. Người em rất cuộc bị bệnh đau ngực sắp chết. Có thầy thuốc bảo ăn thịt chó mới giết và uống rượu, mới lành bệnh. Người em nói: Thịt chó có thể ra chợ mua ăn còn uống rượu thì thà bỏ thân này chớ không phạm giới uống rượu, người em đau đớn. Người anh đưa rượu cho em nói: Hãy xả giới rồi uống rượu để chóng lành bệnh. Người em trả lời: Em tuy bệnh nặng nhưng nguyện thà bỏ thân này chớ không phạm giới. Nói kệ:

*Lạ thay lúc sắp chết
Giới Anh lạc không phá
Dùng giới trang nghiêm thân
Không chôn vùi các giới.
Thân người đã khó được*

Gặp giới lại khó hơn
 Nguyên bỏ trăm ngàn thân
 Không hủy phạm giới cấm.
 Vô lượng trăm ngàn kiếp
 Cho đến khi gặp giới
 Ở trong cõi Diêm phù
 Thân người rất khó được.
 Tuy có được thân người
 Gặp chánh pháp khó hơn
 Khi gặp được pháp bảo
 Người ngu không biết giữ.
 Khéo phân biệt rõ ràng
 Việc này cũng lại khó
 Giới báu ta lãnh thọ
 Làm sao lại muốn phá
 Cho đến người oán ghét
 Chẳng phải bà con ta.

Người anh nghe, nói: Vì ta là anh nên không đành để em bịnh nặng. Người em thưa: Chẳng là thân thuộc đến khi chết cũng tan hoại, nói kệ:

Em muốn nơi tốt hơn
 Hủy giới bị đọa lạc
 Nếu phá giới như vậy
 Sao gọi là thương yêu!
 Em cần tu căn giới
 Mới muốn được mất đi
 Mà giữ gìn năm giới
 Giới rườy rất là nặng
 Nay ép em phá giới
 Không gọi là anh em.

Người anh hỏi em: Sao lại lấy giới rườy làm căn bản, em dùng kệ trả lời:

Nếu ở trong cấm giới
 Không hết tâm hộ trì
 Lại trái với tâm Bi
 Giọt rườy bằng đầu cỏ
 Cũng không dám ném thử.
 Do đó, nên em biết

Rượu là nhân ác đạo
Giới của người tại gia
Cho rượu quả báo xấu.
Chỉ Phật mới biết rõ
Ai có thể suy lường
Phật nói thân miệng ý
Ba nghiệp mà làm ác
Chỉ rượu là căn bản
Bị đọa trong đường xấu.
Ưu-bà-tắc ngày xưa
Do nhân duyên uống rượu
Bèn hủy bốn giới khác
Là làm nhiều điều ác
Rượu là quả phóng túng
Không uống đong đường ác
Gặt được tâm tín lạc.
Bỏ keo kiệt tài vật
Thủ-la nghe Phật dạy
Được vô lượng lợi ích
Ta không có ý khác
Muốn người hủy phạm giới
Tóm lược nói như vậy
Dù bỏ mạng trăm ngàn
Không hủy phạm lời Phật
Dù đem thân phơi khô
Chết không uống rượu này.
Giả sử hủy phạm giới
Sống lâu trăm ngàn năm
Không bằng giữ gìn giới
Khi thân sắp qua đời
Chắc chắn sẽ lành bệnh.
Nhưng em không thể uống
Huống nay không biết chắc
Lành bệnh hay không lành
Việc làm tâm quyết định.
Lòng mới vui mừng lớn
Liền thấy được chơn đế
Bệnh mới được tiêu trừ.

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Ta xưa từng nghe, có các Tỳ-kheo cùng với các người buôn vào biển tìm vật báu, vào biển rồi thuyền lại bị hư. Bấy giờ, có Tỳ-kheo trẻ với được miếng ván gỗ. Tỳ-kheo Thượng tọa không níu được ván gỗ nên bị chìm trong nước sắp chết. Lúc ấy Thượng tọa hết hoảng sợ bị trôi theo nước, bảo Tỳ-kheo trẻ: Thầy không nhớ đến giới của Phật chế, phải cung kính Thượng tọa, nay thầy được tấm ván thì đưa cho tôi. Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ nghĩ: Như Lai Thế tôn có dạy lời đó, có nhiều lợi ích nên đưa ván cho Thượng tọa và nghĩ: Nếu ta đưa tấm ván cho Thượng tọa thì chắc chắn bị chìm trong nước, trôi dạt theo sóng, hoạn nạn trong biển lớn thật ghê sợ. Nay ta mất mạng không thể bảo tồn vả lại còn nhỏ tuổi, mới xuất gia chưa đắc đạo quả. Vì lo sợ này, nên hôm nay ta xả bỏ thân để cứu giúp Thượng tọa. Ngay lúc ấy, suy nghĩ rồi nói kệ:

*Ta vì tỵ cứu mình
Theo lời Phật tối thắng
Nhóm vô lượng công đức
Gọi là biển mười phương.
Thân mạng thật hèn mọn
Tại sao trái Thánh giáo?
Ta nay thọ giới Phật
Đến chết vẫn kiên trì.
Vì theo lời Phật dạy
Đưa ván mất thân mạng
Nếu không vì việc khó
Trợn không gặt quả khó.
Nếu bỏ lời dạy Phật
Mất lợi cõi trời người
Và cả đại Niết bàn
Vui bậc nhất vô thượng.*

Nói kệ xong, liền đưa tấm ván cho Thượng tọa, khi đó vị thần biển mới thấy lòng chí thành đó, liền đưa vị Tỳ-kheo trẻ này lên bờ. Thần biển chấp tay thưa vị Tỳ-kheo: Nay, con kiên quyết quy y giới. Hôm nay gặp Thầy là việc khó, con có thể giữ gìn giới Phật, thần biển dùng kệ thưa:

*Thầy đúng là Tỳ-kheo
Thật đúng người khổ hạnh
Hiệu lớn là Sa-môn
Thầy xứng đáng tên ấy.*

*Tại sao con hôm nay
 Mà lại không ủng hộ
 Thấy người hay trì giới
 Việc này chẳng phải khó.
 Phàm phu không phạm giới
 Mới là việc hiếm có
 Tỳ-kheo nơi an ổn
 Thận trọng được thanh tịnh.
 Đã xả bỏ tham ái
 Hộ trì giới của Phật
 Việc khó mà hay làm
 Đây là thật hy hữu.*

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Xưa Ta từng nghe có Tỳ-kheo thứ tự khát thực đến đứng trước cửa nhà ông Xuyên-châu. Khi ấy, thầy Châu vì quốc vương mà xâu ngọc Ma-ni. Y Tỳ-kheo màu đỏ, vừa đến liền chiếu sáng thợ Châu đó, có các màu hồng đỏ. Thợ Xuyên-châu vào nhà lấy thức ăn dâng vị Tỳ-kheo. Khi ấy, con ngỗng thấy hạt châu màu đỏ như miếng thịt, liền nuốt mất. Thợ Châu cầm thức ăn cúng dường Tỳ-kheo xong, tìm hạt châu chẳng biết ở đâu. Hạt châu này rất quý giá, thợ Châu nghèo khổ, vội vả tìm, nói với Tỳ-kheo: Thầy có được hạt châu không? Tỳ-kheo sợ giết con ngỗng nên muốn tìm cách gì để ngỗng thoát nạn, nói kệ:

*Nay ta hộ mạng người
 Phân thân chịu khổ đau
 Lại không có phương tiện
 Chỉ lấy mạng đổi người.
 Nếu bảo người khác lấy
 Nói vậy thì không được
 Nghĩ mình không có tội
 Thì không được nói dối.
 Nay ta bỏ thân mạng
 Để cứu sống ngỗng này
 Do duyên ta hộ giới
 Mà thành tựu giải thoát.*

Thợ xâu hạt châu tuy nghe kệ, nhưng nói với Tỳ-kheo: Nếu không thấy nó trả lại thì chịu khổ, chết không yên. Tỳ-kheo liền hướng vọng về bốn phương mong cầu nhưng không thể cứu được, như nai vào vườn không biết hướng đi, Tỳ-kheo không cứu cũng như vậy. Bấy giờ, Tỳ-

kheo chính đốn y phục ngay ngắn, người đó nói với Tỳ-kheo: Hôm nay, thầy đánh tôi được chứ? Tỳ-kheo đáp: Không thể được. Tôi đánh với người hầu, nói kệ:

*Khi tôi bỏ thân mạng
Mất đi như củi hết
Được mọi người khen ngợi
Vì ngỗng xả bỏ thân*

Thợ Châu lại lấy roi, gậy đánh vào hai tay và đầu rồi trói lại, nhìn quanh bốn hướng chẳng biết ai bảo, lại nghĩ: Chịu khổ sanh tử cũng như vậy. Tỳ-kheo nói kệ:

*Xả thân mong manh này
Để lấy mạng giải thoát
Ta mặc y phấn tảo
Khất thực làm sự nghiệp.
Ngủ nghỉ dưới gốc cây
Do những nhân duyên gì
Mà phải làm giặc trộm
Người nên quán xét kỹ.*

Bấy giờ, thợ Châu nói với Tỳ-kheo: Sao lại nói nhiều vậy, càng trói chặt đánh thêm, vội vã lấy dây trói chặt mắt, tai, mũi, miệng đều chảy máu. Ngỗng đó bị đưa đến làm thịt, thợ Châu tức giận đánh ngỗng chết.

Tỳ-kheo hỏi: Ngỗng đó sống hay chết.

Thợ Châu đáp: Ngỗng này chết sống có gì để hỏi. Tỳ-kheo hướng đến con ngỗng, thấy chết than khóc, buồn rầu hướng về ngỗng nói kệ:

*Ta nhận các khổ não
Mong người được mạng sống
Nay mạng ta vẫn còn
Mà người chết trước ta.
Ta muốn hộ mạng người
Chịu đựng mọi khổ cực
Sao người lại chết trước?
Phước báo ta không thành.*

Thợ Châu hỏi Tỳ-kheo: Ngỗng này bà con gì với thầy mà sầu khổ như vậy?

Tỳ-kheo đáp: Nguyên ta không thành, nên không vui.

Thợ Châu hỏi: Muốn phát nguyện gì? Tỳ-kheo dùng kệ đáp:

Bồ tát thời quá khứ

*Bỏ thân làm bồ câu
Ta cũng làm điều này
Bỏ thân muốn thay ngỗng
Mong cho ngỗng được sống
Sống lâu luôn an ổn
Do người giết chết ngỗng
Tâm nguyện ta không tròn.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói xong, thợ Châu mổ ngỗng lấy lại hạt châu, thấy hạt châu rồi khóc lớn, thưa: Thầy bảo vệ con ngỗng mà không tiếc thân mạng, ta đã làm việc phi pháp này, nói kệ:

*Thầy tích lũy công đức
Như lấy tro che lửa
Ta vì quá ngu si
Thieu cháy cả trăm thân.
Thầy gương sáng của Phật
Thật là rất xứng đáng
Ta vì quá ngu si
Không thể quán xét kỹ.
Do lửa mê muội đốt
Nguyện tạm ngừng ở đây
Nhận sám hối của con
Như người đi sai đường.
Đặt chân rồi bước tiếp
Nam mô thanh tịnh hạnh
Nam mô kiên trì giới
Gặp những khổ nạn này.
Bậc luôn trì giới cấm
Vì ngỗng thân chịu khổ
Không hủy phạm giới cấm
Việc này thật khó có.*

Luận đại Trang Nghiêm dạy: Có các Tỳ-kheo thiền hành nơi hoang vắng bị giặc cướp hết áo quần. Chúng sợ các Tỳ-kheo về báo lại xóm làng nên muốn giết chết hết. Trong bọn giặc có người trước đây đã từng xuất gia, nói với bè đảng: Nay sao muốn giết hại hết? Theo pháp của Tỳ-kheo thì không làm hại đến cỏ cây. Hôm nay, ta nên lấy cỏ trói các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sợ tổn hại cỏ nên chịu chết mà không đi đến bốn phương để báo lại. Bọn giặc liền dùng cỏ trói các Tỳ-kheo, rồi bỏ đi. Các Tỳ-kheo bị cỏ trói sợ phạm cấm giới nên không bứt ra nằm im.

Thân không áo quần bị nóng mặt trời, các loài muỗi, ruồi và bò chét kéo nhau đến quấy nhiễu, bị trói từ sáng đến lúc mặt trời lặn tối đen, những cầm thú ngang nhiên rượt chạy, thật đáng ghê sợ. Có Tỳ-kheo lớn dùng kệ nói với các Tỳ-kheo trẻ:

*Nếu người có trí tuệ
Kiên trì giữ cấm giới
Cầu Niết bàn trời người
Theo nguyện mà được quả.
Vua rồng Y-la-bát
Do hủy cấm giới này
Làm tổn thương cành lá
Chết đọa trong loài rồng.*

Những Tỳ-kheo chịu khổ đau đớn, không cử động, co duỗi, sợ làm cây chết, một lòng giữ giới thà chết đi, nói kệ:

*Xưa nay ta đã từng
Gây tạo các việc ác
Nếu được sanh làm người
Trộm cắp, phạm vợ người.
Bị tử hình vương pháp
Tính đếm không thể hết
Lại chịu khổ địa ngục
Số nhiều cũng như vậy.
Giả sử nắng mặt trời
Phơi thân tôi khô héo
Tôi cần giữ giới Phật
Hoàn toàn không phạm giới.
Giả sử gặp thú dữ
Vồ xé thân tay ta
Trọn không dám phạm giới
Giới cấm của Phật chế
Ta thà chết giữ giới
Còn hơn sống phá giới.*

Các Tỳ-kheo nghe vị Tỳ-kheo lớn nói kệ rồi, thân mọi người đều không lay động, ví như cây lớn khi không có gió, cành lá không động. Khi ấy, gặp lúc vua đi săn bắn, đi dần đến chỗ các Tỳ-kheo bị trói. Từ xa vua đã thấy, ngỡ tưởng là Ni kiền tử lỏa thân, bảo người đến xem, biết là Tỳ-kheo. Vua nghe điều này càng thêm nghi ngờ, đến chỗ Tỳ-kheo nói kệ:

Cỏ xanh trói buộc tay
 Như lông chim oanh vũ
 Như tế dê cho trời
 Không động cũng không lay.
 Tuy biết chỗ nguy hiểm
 Đứng im không hại cỏ
 Như rừng lửa đốt cháy
 Trâu tiếc đuôi mà chết.
 Nói kệ xong, đến chỗ đó dùng kệ hỏi:
 Thân thể thật cường tráng
 Không bệnh có sức lực
 Sao chỉ do nhân duyên
 Cỏ trói không lay động
 Mọi người đều biết rõ
 Thân mình có sức mạnh
 Bị chú làm mê hoặc
 Hay vì khổ hạnh chằng
 Hoặc nhàm chán thân mình
 Xin nói rõ ý đó?
 Tỳ-kheo dùng kệ đáp vua:
 Giữ gìn các cấm giới
 Không dám kéo bút ra
 Phật dạy các cỏ cây
 Đều là chỗ quý thân
 Chúng tôi không dám trái
 Do đó không thể bút.
 Ví như chú ranh giới
 Vì rấn vẽ cảnh giới
 Do sức lực thần chú
 Rấn độc không dám đến.
 Đức Phật họa cảnh giới
 Chúng tôi không dám vượt
 Được bến cầu bậc Thánh
 Được đầu mắt lạnh lợi
 Ai người được trí tuệ
 Muốn hoại bình Giới đức!

Bấy giờ, quốc vương nghe kệ rồi rất vui mừng, liền mở trói cỏ cho các Tỳ-kheo, nói kệ:

*Lành thay! Bạc kiên cố
 Lời dạy của Đức Phật
 Thà bỏ thân mạng mình
 Hộ pháp không hủy phạm.
 Hôm nay ta quy y
 Hiển rõ pháp lớn này
 Quy y lìa khổ não
 Đấng Mâu-Ni giải thoát
 Giữ cấm giới bền chắc
 Ta vâng giữ như vậy.*

THỨ BA: NHÃN NHỤC

- Duyên thuật ý
- Duyên khuyến nhĩn
- Duyên nhĩn ích.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Từng nghe: Nhĩn là đức tối thượng trên hết, trì giới khổ hạnh cũng không sánh bằng. Như Tỳ-kheo Sần-đề bị hình phạt tàn phế mà không hận. Nhĩn nhục là đứng đầu, bị cắt xẻ mà không tức giận. Thế nên, lấy đạo từ bi cứu độ làm đầu. Bồ tát luôn luôn ôm lòng thương yêu, thường đến địa ngục, chịu khổ cho họ, giáo hóa chúng sanh, bố thí với tâm vui vẻ, lẽ nào với lòng bao dung nhiệm mầu mà lại sanh nỗi hại sần giận bao giờ! Cho đến mở mắt nhìn nhau, tiếng ác, sắc xấu càng tăng thêm roi gậy, kết hận thành oan gia, cha mẹ anh em gây hại lẫn nhau, bạn bè bà con lại làm thương tổn, thật ác nghịch đối với con điều hâu hay con vọ ngậm độc hơn con ong và bò cạp. Sở dĩ như vậy nên nhiều kiếp oán thù, đời đời không dứt.

Thứ 2: Duyên khuyến khích nhĩn nhục

Như luận Thành Thật dạy: Miệng nói ác, mắng nhiếc tiểu nhĩn không chịu được, như chim bị mưa đá. Miệng nói ác hủy nhĩn đại nhĩn, lại nhĩn được, như voi gặp mưa hoa. Hành giả trước tiên thường xem xét nhĩn duyên xưa nay của người. Hoặc ở đời quá khứ là cha mẹ, nuôi dưỡng thân ta mà không tránh tội phước, ta chưa từng đáp ân, sao nay

lại khởi sân giận? Hoặc là anh em, vợ con, bà con, hoặc là Thánh nhân, xưa là bạn lành, do phạm tình không biết, sao lại ra tâm hủy hại?

Luận Nhiếp dạy: Quán theo năm nghĩa để trừ sân giận: Một là xem tất cả chúng sanh đối với ta đều có ân cả. Hai là xem tất cả chúng sanh niệm niệm luôn luôn diệt, người này làm tổn hại, người nào bị tổn hại? Ba là xem chỉ có pháp không có chúng sanh, thì đâu có người làm tổn và người bị tổn. Bốn là xem tất cả chúng sanh đều chịu khổ như mình, vì sao lại muốn làm họ khổ thêm? Năm là xem tất cả chúng sanh là con mình, sao lại sanh tổn hại? Do năm quán này, nên có thể diệt trừ sân giận.

Kinh Báo Ân dạy: Giả sử, bánh xe sắt nóng xoay vòng trên đánh đầu của ta, trọn không vì khổ này mà sanh tâm ác.

Luận Thành Thật dạy: Người thực hành tâm từ bi giác ngủ an ổn, thức cũng an ổn, không nằm mộng ác, được trời bảo vệ, người thương yêu, không độc hại, không đánh nhau, nước lửa không làm mất mạng. Luật Tứ Phần dạy kệ:

*Nhẫn nhục đạo thứ nhất
Phật dạy tới Vô vi
Xuất gia nào hại người
Không gọi là Sa-môn*

Kinh Di giáo dạy: Người thực hành nhẫn nhục được gọi là người có năng lực lớn.

Kinh dạy: Thấy lỗi người miệng không được nói, mình có lỗi lầm thì nên phát lộ.

Sách ghi: Nghe lỗi của người như nghe tên cha mẹ. Tai nghe được nhưng miệng không được nói.

Kinh dạy: Tán thán việc lành của người, không nói điều tốt của mình.

Sách ghi: Quân tử nêu cái tốt của người, không thay đổi cái tốt của họ.

Kinh dạy: Bố thí không mong người khác báo ân. Nếu được người khác cho vật gì, dù nhỏ chỉ bằng trên đầu sợi lông, đều phải chú nguyện, tầm quý thọ nhận.

Sách ghi: Công tử có đức với người, công tử quên đức đó, người có đức với công tử xin công tử chớ quên.

Lại nói: Bố thí cho người cần thận chớ nhớ, được nhận bố thí cần thận chớ quên.

Kinh dạy: Mình giận thì tự lấy làm thí dụ chớ dùng gậy đánh,

giết.

Sách ghi: Vật gì mình không thích thì không nên cho người, nên biết giáo lý ngoại nội căn bản đều giống nhau, tuy hình có trắng đen nhưng hạnh nguyện không khác. Nếu theo tôn chỉ này thì gần giống thế tục. Theo nội ngoại là gì? Kinh dạy: Đức Phật vì chúng sanh mà thuyết pháp, đoạn trừ vô minh mê muội giống như thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc, đó là giáo lý bên trong. Sách ghi: Đạo trời không gần gũi chỉ có nhân từ là đồng, đó gọi là giáo lý bên ngoài. Nếu xuất gia có thể quán xét Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã mà xa lìa sanh tử, chí cầu xuất thế. Đây là nương vào giáo lý bên trong. Nếu theo đó mà ngược lại, đối với ngoài thế tục, người tại gia nếu nhầm chán xả bỏ tham dục, ưa thích chí cao thượng, luôn tôn kính Tam bảo, tu tập Tứ đức, thực hành hiếu kính, nhưn nghĩa lễ trí luôn hòa kính yêu thương, có thể làm theo hạnh đó là ngược mà đồng với bên trong, nếu trái với tôn chỉ đó thì đồng ngoài đạo. Người tại gia có thể tùy giáo lý bên trong thì ngộ được chân lý, tâm luôn nhập vào đạo, dần dần bước lên đường tối thắng đạt được quả vị Bồ đề. Biết như vậy, muốn thực hành những việc này cần hạ mình, tôn kính đức người khác, như lau bụi trần, mình lấm cả bụi trần mà người thì thanh tịnh, nên kinh dạy: Mất chính là được, đạo Phật là vậy.

Sách ghi: Người quân tử khiêm nhường tức được nghĩa, nên luôn tinh cần hơn người khác, thường tự khắc phục trách mình.

Thứ 3: Nhẫn nhục được lợi ích

Như kinh Đại Bảo tích dạy: Nhẫn nhục có mười việc. Một là không xem tướng ngã và ngã sở. Hai là không nhớ nghĩ dòng họ. Ba là diệt trừ kiêu nạm. Bốn là quả báo ác không đến. Năm quán nghĩ tướng vô thường. Sáu là tu từ bi. Bảy là không buông lung. Tám là trừ bỏ những đối khát khổ vui. Chín là đoạn trừ sân giận. Mười là tu tập trí tuệ. Nếu người thành tựu mười việc này thì nên biết người đó có thể tu nhẫn. Kinh Nguyệt đăng Tam muội, Đức Phật dạy: Nếu Bồ tát đối với nhẫn nhục thì có mười lợi ích. Những gì là mười? Một là không bị lửa cháy. Hai là không bị chặt. Ba là không bị độc hại. Bốn là không bị nước cuốn trôi. Năm được phi nhưn ủng hộ. Sáu là được thân tướng trang nghiêm. Bảy là đóng kín các đường ác. Tám là tùy theo sự ưa thích mà sanh vào cõi Phạm thiên. Chín là đêm ngày thường an lạc. Mười là thân luôn được vui vẻ.

Kinh Tứ Ha Tam Muội Đức Phật dạy: Nhẫn có sáu việc thành tựu Nhất thiết trí. Những gì là sáu? Một là được năng lực của thân. Hai là

được năng lực của miệng. Ba là năng lực của ý. Bốn là được năng lực thần thông. Năm là được năng lực của đạo. Sáu là được năng lực trí tuệ.

Kinh Lục Độ Tập dạy: Có bốn việc nhẫn nhục thành tựu trí tuệ. Những gì là bốn? Một là cầu pháp thì phải chịu sự chê bai của người. Hai là cầu pháp thì phải không lánh xa sự đói khát, lạnh nóng gió mưa. Ba là cầu pháp thì phải làm thuận theo Hòa thượng A xà lê. Bốn là cầu pháp thì có thể nhẫn, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại Tỳ-kheo phải tránh tiếng xấu ác của người nữ. Kinh kệ:

*Tuy nghe nhiều tiếng ác
Nếu người hành nhẫn nhục
Không bị khổ làm hại
Cũng không nên phiền não.
Nghe tiếng người khùng bố
Như tiếng thú trong rừng
Chúng sanh mà thô tháo
Không thành pháp xuất gia.
Người nhân từ nhẫn chịu
Tiếng xấu trung, hạ, thượng
Người trú tâm kiên cố
Tức là pháp xuất gia.
Không vì lời nói người
Khiến người thành giặc cướp
Cũng không vì người nói
Khiến người thành La hán
Như người tự biết mình
Chư thiên cũng lại biết.*

Luật Ngũ Phần dạy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ, bên bờ hồ nơi hoang vắng có hai chim nhận và con rùa làm bè bạn. Thời gian sau, nước hồ khô cạn, hai chim nhận bàn nhau: Hôm nay, nước hồ khô cạn, bạn rùa chắc phải khổ lớn, bàn bạc như vậy rồi nói rùa: Nước trong hồ này đã khô cạn, bạn không có nơi che thân, bạn có thể ngâm cọng cỏ, mỗi chúng tôi cặp một phía, sẽ đưa bạn đến nơi có nhiều nước, khi bạn ngâm cây nhớ cẩn thận không được nói. Bấy giờ, chúng liền ngâm cây, trải qua nhiều xóm làng, những đứa trẻ thấy liền nói: Chim nhận ngâm con rùa đi! Rùa nổi giận nghĩ nói: Sao xen vào việc của người? Miệng mới rời cây thì rùa bị rơi xuống đất chết ngay. Do nhân duyên đó, Thế tôn nói kệ:

*Mạng sống của người
Như búa trong miệng
Sở dĩ phá thân
Do lời nói ác
Chê trở lại khen
Việc khen lại chê
Tự thọ tai ương
Cuối cùng chẳng vui.*

Đức Phật dạy: Con rùa là Điều Đạt, xưa do sân giận mà nói đến nỗi phải chết khổ sở. Nay lại sân si hủy nhục Như Lai sẽ đọa địa ngục.

Kinh Pháp Cú Dụ dạy: Xưa có Sa-môn La Vân khi chưa đắc đạo, tính tình cứng cỏi, lời nói ít chân thật. Đức Phật bảo La Vân: Thầy hãy đến Tinh xá Hiền đề ở để giữ miệng, nhiếp ý, chuyên tâm tu học kinh giới. La Vân vâng lời đánh lễ ra đi. La Vân ở được chín mươi ngày xấu hổ, tự hối hận, ngày đêm không dừng nghỉ. Đức Phật đến gặp La Vân, Sa-môn liền vui vẻ hướng về đánh lễ Ngài.

Đức Phật bảo La Vân: Hãy lấy bồn đựng nước rửa chân cho Ta! La Vân vâng lời, rửa chân Phật xong. Đức Phật lại bảo: Nước này có thể dùng ăn uống được không?

La Vân thưa: Bạch Thế tôn, không thể dùng được, nước này đã dơ, vì đã rửa chân nên bị cấu uế, do đó không dùng được.

Đức Phật bảo La Vân: Thầy cũng như vậy, con Ta tuy là cháu vua, đã bỏ bổng lộc thế gian, được làm Sa-môn mà không nhớ siêng năng giữ gìn thân miệng, ba độc cấu uế đầy đầy áp ủ trong tâm, cũng như nước này không thể dùng lại được, dẫu bỏ luôn cái bồn, vì nó cũng không thể đựng thức ăn, do đã bị dơ. Thầy cũng như vậy, miệng không thật, tâm tính cứng cỏi, không siêng năng từng bị tiếng ác, cũng như cái bồn này không thể đựng thức ăn. Đức Phật dùng ngón chân hất cái bồn tự nhiên nó lật úp lại, hỏi: Thầy có tiếc không?

La Vân thưa: Bạch Thế tôn! Cái bồn này đã rửa chân, tuy tiếc cũng không cần.

Đức Phật bảo: Thầy cũng như vậy, tuy là Sa-môn mà không giữ gìn thân miệng, làm thương tổn chúng sanh, khi chết thân thức sẽ bị đọa mãi trong ba đường, Hiền Thánh không tiếc nuôi, cũng như thầy nói vậy. La Vân nghe vậy, tầm quý lo sợ cảm kích tự mình gắng sức nhớ mãi không quên, tinh tấn nhu hòa, luôn nhẫn như đất, đắc quả A-la-hán.

Kinh La Vân nhấn nhục dạy: Bấy giờ, thường đến khát thực nhà

Bà-la-môn không có lòng tin, keo kiệt lại không cho. La Vân bị đánh trên đầu chảy máu, lại bóc cát bỏ vào bình bát, thầy vẫn chịu đựng không trả thù, rồi cầm bát đến bên sông rửa đầu và bát, nói: Tôi tự đi khát thực, không có việc gì mà gây gỗ tôi. Tôi chỉ khổ chút thôi, sao ông lại gây nhiều khó khăn vậy? Như dùng kiếm bén cắt thầy chết thì nó chẳng biết đau, đó không phải kiếm không bén. Như nước cam lồ cõi trời cho con heo ngu trong chuồng uống, con heo bỏ chạy, không phải nước cam lồ không ngon. Ta dùng lời nói chân thật của Phật để giáo hóa người ngu hung dữ ở đời mà không suy nghĩ, há chẳng đúng sao? Sa-môn trở về bạch Phật. Đức Phật dạy: Đây là điểm yếu của thầy, khi chết phải vào địa ngục Vô trạch, đến ngục quỷ nhiều đau khổ, trải qua tám vạn bốn ngàn năm thầy qua đời sẽ sanh làm con trăn, độc trở lại hại mình. Lại thọ làm thân con rắn độc thường ăn đất cát một vạn năm mới chấm dứt. Do tâm sân giận đối với người thọ giới phải chịu thân độc hại, lấy cát bỏ trong bình bát, đời đời ăn cát đất mà chết. Tội hết được làm người, khi mẹ đang mang thai thì bị bệnh nặng trong nhà ngày càng túng thiếu, đứa trẻ sanh ra ngu đần không có tay chân, bà con hoảng sợ hỏi: Sao mang thai sanh ra điều không tốt? Bà liền mang bỏ ngã tư đường, người qua lại ngạc nhiên dùng dao gậy, ngói đá đánh vào đầu văng não, đau đớn một tuần mới chết. Chết rồi thần thức lại sanh ra người ngu đần như trước, trải qua năm trăm đời tội nặng mới hết. Sau đó, sanh làm người thường bệnh tật đau đầu, sanh thời không gặp Phật, luôn ở trong ba đường.

Luận Tân Bà Sa dạy: Từng nghe, ở đời quá khứ trong thời Hiền kiếp này có vua tên Yết-lợi. Lúc ấy, có Tiên nhờn tên Nhẫn-nhục ở trong rừng chuyên tu khổ hạnh. Khi ấy, nhà vua đưa đứa con trai vào cung cho bà con, đi dạo chơi trong rừng. Trải qua thời gian lâu bị bệnh mất, trong cung các tỳ nữ vì hoa quả nên vào rừng, đằng xa đã thấy vị Tiên nhờn, liền tự chỉnh đốn thân tâm ngay ngắn, im lặng tiến đến chỗ đó, đến nơi đành lễ đi nhiều quanh rồi ngồi xuống. Tiên nhờn giảng về tội lỗi của ham muốn. Các tỳ nữ sanh nhàm chán. Khi vua trở về không thấy những người nữ, liền nghĩ: Sẽ không có người dụ dỗ mà dấy đi chứ? Vua vội vàng cầm kiếm tìm mọi nơi, đến khi thấy những người nữ đang ngồi xung quanh Tiên nhờn, quá nổi giận nói: Quỷ lớn sao lại dụ người nữ của ta? Lại đến trước mặt hỏi: Người là ai?

Đáp: Ta là Tiên nhờn.

Lại hỏi: Ở đây làm gì?

Đáp: Tu đạo nhẫn nhục.

Vua nghĩ: Người này thấy ta nổi sân nên nói “ta tu nhẫn nhục”, nay ta thử xem. Lại hỏi: Người đã chứng được thiền định phi tưởng, phi phi tưởng xử chưa?

Đáp: Chưa được.

Như thế cứ tiếp tục hỏi vặn cho đến khi: Người đã chứng được quả thứ nhất chưa?

Đáp: Chưa được.

Nhà vua càng giận dữ gấp bội nói: Người là người chưa lia dục sao lại phóng túng nhìn những người nữ của ta?

Lại đáp: Ta là người tu nhẫn nhục.

Nhà vua nói: Thử duỗi một cánh tay có nhẫn được không?

Bấy giờ, Tiên nhơn liền duỗi cánh tay. Nhà vua dùng kiếm bén chặt cánh tay, như đoạn gốc ngó sen, rơi xuống đất. Nhà vua lại hỏi vặn: Người là người gì?

Đáp: Ta là người tu nhẫn nhục.

Lúc đó, vua lại bảo duỗi cánh tay khác, rồi cũng chặt luôn. Như trước hỏi vặn, Tiên nhơn cũng trả lời như trước, cứ như thế chặt dần đến hai chân, xẻo hai tai, cắt mũi, cứ mỗi lần như vậy đều hỏi đáp như trên, làm thân của tiên nhân chia làm bảy phần rơi trên đất, làm thành bảy hố (vết thương) rồi, vua mới dừng.

Tiên nhơn bảo: Hôm nay, sao nhà vua tự sanh nhàm chán? Giả sử có chặt toàn bộ thân ta thành nhiều phần nhỏ như hạt cải cho đến bằng hạt bụi, ta cũng không có một chút tức giận, trọn không có hai. Lại phát nguyện: Như ông ngày hôm nay, ta thật không có tội mà lại bị chặt thân thành bảy phần, làm thành bảy lỗ. Ở đời vị lai, khi ta chứng quả Vô thượng Bồ đề sẽ dùng tâm đại bi không chờ ông tỉnh, trước hết khiến cho ông tu tập bảy thứ đạo để đoạn trừ bảy Tùy miên. Nên biết Tiên nhơn Nhẫn-nhục ấy, nay chính là Phật Thích Ca Mâu Ni, vua Yết Lợi nay là Cu Thọ Kiều Trần Na. Lúc Kiều Trần Na thấy Thánh đế rồi, Phật dùng năng lực thần thông trừ ám chướng đó, nay nhớ lại việc quá khứ, Kiều Trần Na nghe rồi rất xấu hổ, chấp tay cung kính.

THỨ TƯ: TINH TẤN

- DUYÊN THUẬT Ý.
- DUYÊN ĐÃI NỌA (LƯỜI BIẾNG).
- DUYÊN SÁCH TU (KHUYÊN TU).

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Người tu hạnh nhẫn nhục do còn lơ mờ, tôn chỉ đó chưa rõ nên phải sách tấn, khiến không biếng nhác. Cho nên, kinh dạy: Tỳ-kheo, các ông luôn tinh tấn, ánh sáng trí tuệ mười lực, bị vùi lấp, các ông đang bị vô minh che phủ. Lại nói: Người Xiển đề nằm như thây chết suốt ngày mà cho là thành đạo, điều đó không thể có. Luận Thích dạy: Người tại gia biếng nhác mất lợi lạc ở đời. Người xuất gia biếng nhác thì mất pháp bảo. Cho nên quý vị cần nên đồng mãnh chư Phật mới ngợi khen. Ca Diếp càng tinh tấn được Như Lai thuật chứng. Sách ghi: Từ sáng đến tối gắng hết sức mình mới gọi là trung với thần, con có hiểu. Vì thế, nên biết sự phóng túng biếng nhác không hưởng thưởng. Tinh tấn, siêng năng trong mọi lúc đâu bị ngu si phóng túng kiêu căng khiến các mầm thiện căn không khai mở, làm cho cây cành đạo pháp càng khô héo thêm. Huống nữa đến lúc chết, vua (Diêm vương) gọi vào trời trong ngục tối, đến nơi mệnh mông, lâu ngày liền mất hết tư lương, nơi tối tăm nếu tra khảo thì sẽ trả lời thế nào? Lúc ấy, hối hận làm sao cho kịp! Thế nên, ngày nay khuyến khích mọi người tu hành, biết thân mình còn đầy đủ sức khỏe, chuẩn bị tư lương, thường kiểm thúc ba nghiệp, chớ làm trái với sáu thời. Mỗi ngày từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến trong một giờ, một khắc, một niệm, một sát na phải kiểm thúc ba nghiệp. Xét tâm làm việc thiện, xét tâm làm việc ác. Xét tâm làm việc hiểu, xét tâm làm việc trái nghịch. Xét tâm nhằm chán tâm tài sắc, xét tâm tham chấp tâm tài sắc. Xét tâm làm việc thiện cõi trời người, xét tâm làm việc bất thiện trong ba đường. Xét tâm nhằm chán tiếng khen chấp ngã, xét tâm tham cầu tiếng khen chấp ngã. Xét tâm ưa tu ba thừa xuất thế, xét tâm xem thường ba thừa thích thế gian. Thiện ác như vậy đem ngày chống trái nhau, hành giả thường nên kiểm thúc chớ để buông lung đọa vào lưới tà kiến, luôn cảnh tỉnh ba nghiệp, cùng nhau ra sức trao đổi lời dạy. Tâm tự dặn lòng, miệng nói: Người thường nên nói việc thiện chớ nói phi pháp. Miệng nói: Tâm! Người nên nghĩ chánh pháp chớ nghĩ phi pháp. Tâm lại bảo thân: Người nên siêng năng tinh tấn chớ biếng nhác. Như vậy, tâm của

ta tự kiềm chế, miệng của ta tự cẩn thận, thân của ta tự ngăn ngừa. Cứ như thế, tự mình sách tấn đủ để bay cao, sao lại ra sức lôi kéo người để khởi nhiều oán ghét. Kinh dạy: Thân làm thiện, khẩu làm thiện, ý làm thiện thì chắc chắn sanh đường lành. Thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác thì chắc chắn sanh đường ác. Như ngựa chạy nhanh nhìn lại bóng của mình thì lại chạy nhanh hơn, không như nuôi ngựa hèn nhác phải dùng roi đánh. Nếu không tự mình học hỏi mà cứ trách người, lại tăng thêm khổ não, tội lỗi sâu dày.

Thứ 2: Duyên biếng nhác

Kinh Bồ tát Bốn Hạnh dạy, Đức Phật bảo A Nan: Người biếng nhác các hạnh suy yếu, cư sĩ biếng nhác thì cơm áo không đủ sống, sự nghiệp không thành. Xuất gia biếng nhác không dứt trừ khổ sanh tử, tất cả các việc đều do tinh tấn mà tăng trưởng. Khi ấy, Đế Thích nói kệ:

*Muốn cầu đạo tối thắng
Không tiếc thân mạng mình
Bỏ thân như phân đất
Hiểu không có tôi, ta.
Tuy bố thí vật báu
Việc này không là khó
Người dũng mãnh như vậy
Tinh tấn mau thành Phật.*

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Nếu có người nhiều biếng nhác làm việc bất thiện, nên bị tổn giảm, nếu thường siêng năng thì thật là tối thượng, sở dĩ vậy là do Bồ tát Di Lặc trải qua ba mươi kiếp mới được làm Phật. Ta dùng năng lực tinh tấn dũng mãnh để Bồ tát Di Lặc đời sau thành Phật, cho nên nhớ nghĩ phải tinh tấn, chớ biếng nhác. Kinh Thí dụ dạy: Thời Đức Phật Ca Diếp có hai anh em đều là Sa-môn, người anh trì giới ngồi thiền một lòng cầu đạo không bố thí, người em tu phước bố thí mà thích phá giới. Người anh theo Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán, y thường không đủ mặc, cơm thường không no, người em sanh làm voi, có sức mạnh, có thể dẹp hết thù địch, được quốc vương kính mến, vàng bạc, anh lạc đeo đầy thân lại ban cho mấy trăm chuồng và khu đất, cung cấp cho voi mọi thứ cần dùng. Lúc ấy, người anh là Tỳ-kheo, đứng khi khó khăn, đi khát thực bảy ngày mà không có, sau cùng được chút thức ăn dở, nên kéo dài mạng sống một tí, biết được con voi này đời trước là em mình, liền đến bên voi, cầm tai nói: Ngày xưa tôi và người đều có tội. Voi nghĩ lời nói của voi, biết được nhân duyên đời trước của mình,

buồn rầu không ăn, lo sợ liền đến tâu vua.

Vua hỏi voi: Trước đây không có người xúc phạm voi chẳng?

Voi tâu: Không có ai khác, chỉ có vị Sa-môn đến đứng bên một lát rồi đi.

Vua liền sai người tìm được vị Sa-môn rồi hỏi: Đến đứng bên voi làm gì?

Sa-môn đáp: Tôi nói với voi là “Tôi và voi đều có tội”. Sa-môn kể lại vua mọi việc như trên. Nhà vua ngộ được, thả vị Sa-môn ngay.

Kinh Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhưn, Đức Phật dạy: Nay các Tỳ-kheo! Ngựa có tám thói xấu ác. Những gì là tám? Thói thứ nhất là khi được mở dây cương và cái dầm thì kéo xe muốn bỏ chạy. Thói thứ hai là khi cái giá xe bị xiêu vẹo thì nó muốn cản người đó. Thói thứ ba là đưa hai cẳng chân trước cản xe rồi bỏ chạy. Thói thứ tư là đạp vào bánh xe. Thói thứ năm là người chặn cầm cái ách đặt lên thân thì nó né ra khỏi xe bỏ chạy. Thói thứ sáu là bảo nó đi một bên thì nó chạy bậy. Thói thứ bảy là cản vào xe chạy nhanh, nếu gặp được nước bùn thì đứng lại không chịu đi. Thói thứ tám là treo thức ăn chín trên xe thì nó chỉ nhìn không ăn, khi người chủ dắt đi sẽ đóng giá xe thì lại vội vàng cùng cản hít vào, muốn ăn nhưng không được. Đức Phật dạy: Con người cũng có tám thói xấu ác đó. Những gì là tám? Thói thứ nhất là khi nghe giảng về kinh Phật thì bỏ đi không thích nghe, như ngựa khi được mở dây cương và cái dầm thì kéo xe muốn bỏ chạy. Thói thứ hai là khi nghe ý nghĩa của kinh thì không hiểu, không biết thú hưởng của kinh lại tức giận lòng bùng không thích nghe, như ngựa, khi cái giá xe bị xiêu vẹo thì nó muốn cản người đó. Thói thứ ba là khi nghe kinh mà phản đối không lãnh thọ, như ngựa khi đưa hai cẳng chân trước cản xe rồi bỏ chạy. Thói thứ tư là khi nghe kinh lại mạ nhục, như khi ngựa đạp vào bánh xe. Thói thứ năm là khi nghe kinh mà muốn bỏ đi, như ngựa có người chặn cầm cái ách đặt lên thân thì nó né ra khỏi xe bỏ chạy. Thói thứ sáu là khi nghe kinh lại không chịu nghe, đầu óc lững lơ liếc nhìn để nghe tiếng, như ngựa khi bảo nó đi một bên thì nó chạy bậy. Thói thứ bảy là khi nghe kinh lại muốn xem xét cái khó, để hỏi vặn khiến người không thể trả lời, nín bật đáng tội vọng ngữ, như ngựa nếu gặp được nước bùn thì đứng lại không chịu đi. Thói thứ tám là khi giảng kinh không chịu nghe, ngược lại nhớ nghĩ mong cầu nhiều tham dục, không muốn lãnh thọ, chết đọa vào đường ác, vội vàng muốn học hỏi hành đạo cũng không được, như ngựa treo thức ăn chín trên xe thì chỉ nhìn không ăn, khi người chủ dắt đi đóng giá xe thì lại vội vàng cùng cản hít vào,

muốn ăn nhưng không được. Đức Phật dạy: Con ngựa có tám thói xấu ác thì con người cũng có tám thói xấu như vậy. Tỳ-kheo nghe kinh vui vẻ đánh lễ lui ra.

Thứ 3: Duyên khuyến khích tu học

Như kinh Thí dụ dạy: Có Sa-môn ở nước La duyệt kỳ ngòi tự phát nguyện: “ Ta không đắc đạo trọn không đứng dạy, khi thêm ngủ bèn lấy cái dùi dài tám khủy tay đâm vào hai đầu gối đau thốn không ngủ được” như thế, một năm mới đắc đạo. Trong kinh Bạc Câu La dạy: Bạc Câu La nói: Từ khi ta xuất gia đến nay đã tám mươi năm chưa từng nằm yên, lưng chưa dính chiếu để ngủ nghỉ.

Kinh Di giáo dạy: Tỳ-kheo các vị, nếu ai siêng năng thì việc dễ thành. Vì thế các người thường siêng năng. Ví như nước ít mà thường chảy thì đá có thể mòn. Nếu hành giả luôn luôn biếng nhác thì ví như cái khoang nung lửa chưa đổ lại ngưng dù muốn được lửa thì khó được, đây gọi là tinh tấn.

Luận Trí Độ dạy: Thân tinh tấn là nhỏ, tâm tinh tấn mới là lớn, ngoại tinh tấn là nhỏ, nội tinh tấn mới là lớn. Đức Phật dạy: Năng lực nghiệp ý là lớn, như vị Tiên nhưn sân giận thì có thể làm cho đất nước khốn khó tiêu diệt. Lại thân, miệng là năm tội nghịch thì bị quả báo lớn một kiếp trong đại ngục A tỳ, chịu nghiệp lực của ý. Khi được sanh vào cõi Phi hữu tướng, Phi vô tướng thì sống ở đó tám vạn kiếp cũng ở trong cõi Phật mười phương, sống lâu vô lượng. Thế nên biết, thân miệng tinh tấn là nhỏ còn ý tinh tấn mới là lớn, như các kinh khen ngợi nhiều về tinh tấn. Một lòng chánh niệm mau đắc đạo quả, thì chưa hẳn phải cần đa văn. Luận Tỳ Bà Sa dạy: Hai người cùng đến một nơi. Một người cỡi ngựa nhanh, một người cỡi ngựa chậm. Do người cỡi ngựa chậm trước đã phát nguyện nên đến chỗ trước, vì có lòng tin giải thoát, siêng năng tu tập nên đến Niết bàn trước, thì khắp nơi được lợi.

Kinh Lục Độ dạy: Có bốn loại tinh tấn, thành tựu trí tuệ. Những gì là bốn? Một là siêng năng đối với đa văn. Hai là siêng năng đối với tổng trì. Ba là siêng năng ưa thích thuyết pháp. Bốn là siêng năng tu tập chánh hạnh.

Kinh Lục độ tập dạy: Đức Phật bảo đệ tử nên siêng năng tinh tấn lắng nghe đọc tụng, chớ biếng nhác, sẽ bị Ám Cái ngăn che. Ta ở đời quá khứ nhiều kiếp có Phật Nhất Thiết Độ Vương, khi ấy trong chúng có hai Tỳ-kheo, một là Tinh Tấn Biện, hai là Đức Lạc Chỉ cùng nghe pháp. Tinh Tấn Biện ưa thích nghe kinh, nên đắc quả A-duy-việt-trí đầy

đủ thần thông. Đức Lạc Chỉ ngủ mê không tỉnh, chẳng được gì. Khi ấy, Tinh Tấn Biện bảo Đức Lạc Chỉ cần tỉnh táo sao ngủ hoài vậy? Lúc ấy Đức Lạc Chỉ nghe người anh liền đi kinh hành lại đứng ngủ, thân không đứng vững, đến bên suối ngồi muốn tư duy thiền định lại muốn ngủ. Khi ấy, Tinh-tấn-biện dùng phương tiện khéo léo độ cho Đức Lạc Chỉ, biến thành con ong chúa hướng đến cặp mắt Đức Lạc Chỉ muốn cắn, khi đó Đức Lạc Chỉ hoảng hốt tỉnh dậy, ngồi tiếp, chỉ sợ ong chúa một tí rồi lại ngủ. Khi ấy con ong chúa bay vào nách cắn bụng, ngực, Đức Lạc Chỉ run sợ không dám ngủ nữa. Khi ấy, nước trong suối có nhiều hoa tươi đủ màu sắc tinh khiết. Ong chúa bay đến trên hoa, hút vị ngọt mát. Khi ấy, Đức Lạc Chỉ ngồi ngay ngắn nhìn ngắm hoa, lại sợ không dám ngủ nữa. Ong chúa hút vị ngọt. Trong hoa không ra, chỉ giấy lát, ong chúa ngủ say rớt trong bùn dơ, nó tắm rồi lại bay đến hoa đó. Lúc đó, Đức Lạc Chỉ hưởng về ong nói kệ:

*Người hút vị ngọt này
Thân thể được an ổn
Không nên mang trở về
Cho tất cả vợ con.
Vì sao rơi trong bùn
Tự làm dơ thân mình
Như vậy chút trí tuệ
Hoại thân vì vị ngọt.
Như người ở trong hoa
Không ở lâu trong đó
Trời lặn hoa khép lại
Cầu nở không thể được.
Phải cần ánh mặt trời
Khi đó mới nở được
Tối tăm lâu mệt mỏi
Như thế thật khốn khổ.*

Bấy giờ, ong chúa hướng đến đáp kệ:

*Phật ví như cam lồ
Nghe giảng không nhàm chán
Không nên vì biếng nhác
Tất cả không ích gì.
Biển sanh tử năm đường,
Như rơi vào bùn dơ
Bị ái dục trôi buộc*

Không trí thật là mê.
 Trời mọc hoa mới nở
 Như sắc thân của Phật
 Trời lặn hoa khép lại
 Thế tôn vào Niết bàn.
 Gặp Như Lai ở đời
 Nên tinh tấn lãnh thọ
 Bỏ ấm cái ngủ nghỉ
 Chớ gọi Phật thường còn.
 Pháp sâu xa yếu tuệ
 Không vì nhân duyên sắc
 Thấy đó mà tham chấp
 Nên biết thiện phước tiện.
 Thiện phước tiện hóa độ
 Có ích không đối gạt
 Nên hiện biến hóa này
 Cũng vì lợi tất cả.

Đức Lạc Chỉ nghe Tinh Tấn Biện nói kệ liền đắc được Pháp nhãn vô-sanh, đắc pháp đà-la-ni. Đức Phật bảo A Nan: Tinh Tấn Biện ấy nay chính là Ta, Đức Lạc Chỉ chính là Bồ tát Di Lạc. Khi đó, Ta cùng với Bồ tát Di Lạc nghe pháp, Bồ tát chỉ ngủ không được lợi gì, còn Ta không tìm phương cách khéo léo để thức tỉnh Bồ tát, nên đến nay Di Lạc vẫn còn ở trong sanh tử chưa giải thoát.

Kinh Pháp Cú Dụ dạy: Ngày xưa, nước ngoài có cư sĩ rất tín tâm, cúng dường Tam bảo, ban đầu không nhằm chán. Lúc ấy có Sa-môn cùng với người bạn, chứng đắc thần thông, đã hết sanh tử. Khi ấy cư sĩ tín tâm bị bệnh nặng, các thầy thuốc ra sức chữa trị nhưng không lành, người vợ ngồi bên thương khóc, vì thế khốn khổ, nếu chàng qua đời thì thiếp biết nương tựa vào đâu, con gái cũng cô đơn biết dựa vào nơi nào. Người chồng nghe vậy chết, thần hồn trở lại làm thân con trùng ở trong mũi vợ, vợ khóc lóc không ngừng, đạo nhơn đi đến chỉ cho người vợ biết là chồng qua đời lại làm con trùng ở trong mũi. Vì thế, đạo nhơn muốn khuyên bà bớt đau buồn. Bà thấy đạo nhơn đến càng đau khổ, hỏi: Vì sao Hòa thượng biết chồng con chết? Bà hỷ mũi con trùng liền văng xuống đất, bà quá xấu hổ, muốn lấy chân dậm đạp. Đạo nhơn bảo: Hãy dừng, chớ giết hại! Người chồng của bà đã hóa làm con trùng này. Bà thưa đạo nhơn: Chồng con chuyên cần trì giới luật không ai sánh bằng, do nhân gì mà qua đời phải làm thân con trùng? Đạo nhơn đáp: Do bà

thương xót kêu la sanh tâm ân ái, vì thế qua đời đọa làm thân trùng. Đạo như thuyết pháp cho trùng, nó liền sanh lên trời ở trước Đức Phật, chỉ vì ngồi bên ân ái nên đọa làm con trùng cũng thật xấu hổ. Con trùng nghe nói, tâm ý khai mở, tự trách mình, liền mạng chung, được sanh lên cõi trời. Vậy nên, người hãy phản tỉnh mình, không được biếng nhác, quả báo xấu sẽ đến mình.

THỨ NĂM: THIÊN ĐỊNH.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Thắng nghiệp thần thông, chẳng phải thiên định không sanh, tuệ căn vô lậu chẳng phải tịnh không động. Nên kinh dạy: Thiên định sâu xa thì đắc được năm thông, tâm chuyên chú một việc, đó là tướng Tam muội. Sách cũng nói: Nên làm thân mình như cây khô, tâm như tro tàn, không đào bới chỗ giàu sang, không góp nhặt nơi nghèo cùng, thần thức bám víu lơ mờ bên trong, để hiện ra thân hình như đồng đất, nên phải nhiếp tâm một chỗ thì công đức nhiều như rừng cây, ý tán loạn từng mảnh thì phiền não la liệt. Vì thế, trên đầu gối của Thích tử Đàm-quang hổ dữ đến nằm. Búi tóc của Tiên như trên đỉnh đầu chim đến làm tổ. Biết vậy, Bồ tát thường tu tập ngôi yên, không đoạ phiền não mà vào Niết bàn, không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu. Lại có thể quán xét thân này từ đầu đến chân có ba mươi sáu vật, tám vạn côn trùng, bất tịnh vô thường, khổ không, vô ngã, tâm tánh chúng sanh ví như khỉ vượn, loạn động phan duyên, vui theo khoái lạc, buông lung, không sáng suốt để kiểm thúc thân tâm cho ngay thẳng, ý chuyên cần, cứng cõi khó dạy bảo, ngang ngược khó điều phục, tập khí gần với năm trần cấu, lưu chuyển trong ba cõi. Như ngoại đạo dán nhựa vào để bẫy chim, mang gậy thiên ma, vì thế xoay vần trong biển khổ, rơi mãi trong ngục hiểm ác, đều do phóng dật rối loạn tâm ý. Như gió vây quanh ngọn đèn, ví như trăng trong sóng nước lăn tăn, sóng sánh nhẹ nhẹ, trôi nổi đầy tràn, ánh đã không hiện thì ánh chiếu đâu có rõ. Vì thế, các điều ác tập hợp lại sanh khởi, phước thiện do đây mà suy giảm, do không tu tập đoạn các mê hoặc thường sanh khởi tham sân, chưa tu tập mà không biết hưởng nhiều khoái lạc, làm chướng ngại thiên định, các phiền não cùng nhau tụ tập dày vò ngăn cản các duyên vắng lặng, cùng nhau đẩy khởi, năm ấm che tâm, cửa thiên khép kín, sáu trần luôn vọng tưởng

rong ruổi như voi say không có dây cương, tựa như khỉ chuyền cành. Thế nên, mỗi niệm phải thức liễm tâm, mỗi mỗi luôn thay đổi, đâu phải niệm trước đều là ác, liền khắc phục khổ, lắng sạch bụi trần, niệm sau khởi thiện, ý lại buông lung mà phối bày xấu ác. Cho nên, khi bàn luận về bốn điều tốt đẹp, thường tán thán một niệm, sau đó mới có thể chân chánh, xa lìa thương nhớ phàm phu, nếu trái với lý này thì Thánh cũng không được. Hôm nay, như lưới dày không thể tự tiếp xúc, cần phải nhờ vào các căn, tướng bên trong sẽ hiện ra bên ngoài, làm sao mà biết như vậy. Nay tâm cảm ứng bên trong thì việc hiện ra bên ngoài, hoặc duyên bên ngoài mà khởi ô nhiễm trong tâm. Nên biết, nội ngoại cùng giúp đỡ nhau cứ xoay vần mãi. Tâm thức là quân, thần không thể bỏ. Nên kinh dạy: Tâm vương nếu ngay thẳng thì sáu thần không tà. Thức ý mà mê muội thì chủ đó không minh bạch. Nay dạy bảo sáu thần mỗi mỗi phải biết xấu hổ, chế ngự sáu căn không để rong ruổi tán loạn.

Thứ 2: Duyên tướng thiên định

Kinh Pháp cú, phẩm Tâm ý dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế có một đạo nhơn, ngồi dưới gốc cây bên bờ sông học đạo, suốt mười hai năm tưởng tham vẫn còn, tâm rong ruổi, ý tán loạn nghĩ về sáu dục. Mắt với sắc, tai với thanh, mũi với hương, miệng với vị, thân với thọ, tâm với pháp. Thân tĩnh, ý rong chơi chưa từng dừng nghĩ suốt mười hai năm không đắc được đạo. Đức Phật biết có thể độ, nên Ngài hóa thành Sa-môn, liền đến gốc cây cùng ngủ qua đêm với ông ta, chỉ chốc lát trăng sáng tỏ, có một con rùa từ dưới sông bò đến dưới gốc cây. Lại có chó nước đói đi tìm thức ăn, gặp rùa liền muốn ăn, lúc đó bốn chân, đầu và chân của rùa đều thụt vào trong cái mai, nên chó không thể ăn được. Chó nước vừa đi, thì rùa lại bò đi, không thể làm gì được, bèn thoát khỏi nạn.

Đạo nhơn hỏi vị Sa-môn biến hóa: Con rùa này được bảo vệ thân bằng áo giáp, chó nước không được phương tiện ấy chăng?

Sa-môn biến hóa trả lời: Ta nghĩ người đời không bằng con rùa này, không biết vô thường buông lung sáu căn, ngoại ma nhanh chóng hủy hoại thân thể, thần thức xa lìa, sanh tử không có đầu mối, luân chuyển trong năm đường, đau khổ vô vàn, tất cả đều do ý gây, nên mình phải gắng sức cầu an ổn vắng lặng. Sa-môn biến hóa nói kệ:

Giấu sáu (căn) như rùa

Giữ ý như thành

Tuệ đấu cùng ma

Hơn tức không họa.

Lại kinh Đại Bảo Tích dạy: Bồ tát tu tập thiền định có mười pháp, không giống như Nhị thừa. Những gì là mười? Một là tu tập thiền định không có tôi, ta, đầy đủ các thiền định Như Lai. Hai là tu tập thiền định không chấp, vị ngọt. Ba là tu tập thiền định đầy đủ các thần thông, vì biết các tâm hành của chúng sanh. Bốn là tu tập thiền định vì biết các tâm, cứu độ tất cả chúng sanh. Năm là tu tập thiền định thường hành đại bi, đoạn trừ các phiền não trói buộc chúng sanh. Sáu là tu tập các thiền định Tam muội, khéo biết vào ra, vượt thoát ba cõi. Bảy là tu tập thiền định thường được tự tại, đầy đủ tất cả pháp lành. Tám là tu tập thiền định, tâm của vị ấy vắng lặng hơn các thiền Tam muội của Nhị thừa. Chín là tu tập thiền định đắc được trí tuệ, vượt ra ngoài thế gian đến bờ bên kia. Mười là tu tập thiền định có khả năng làm hưng thịnh chánh pháp, nối tiếp Tam bảo để được tồn tại lâu dài. Người tu tập thiền định như vậy là không cùng với Thanh-văn, Bích-chi-Phật.

Đức Phật lại dạy: Bồ tát nào ưa thích hạnh khát thực đầu đà thì có mười lợi ích. Những gì là mười? Một là diệt trừ cờ kiêu mạn. Hai là không mong cầu thương yêu của bà con. Ba là không vì danh tiếng. Bốn là an trú trong dòng Thánh. Năm là không đua nịnh, lừa dối, không biểu hiện ra tướng khác, không kiêu mạn. Sáu là không tự đề cao mình. Bảy là không hủy nhục người khác. Tám trừ bỏ tham ái, sân giận. Chín là nếu vào nhà người thì không vì ăn uống mà bố thí pháp. Mười là thuyết pháp cho người có lòng tin lãnh thọ.

Luận Trí Độ dạy: Tam muội có hai loại, Tam muội Phật và Tam muội Bồ tát, các Bồ tát này chỉ ở trong Tam muội của Bồ tát mà được tự tại không ở trong Tam muội Phật mà tự tại. Trong kinh Chư Phật Tập Yếu dạy: Bấy giờ, Văn Thù Thi Lợi muốn thấy chỗ nhóm họp của chư Phật mà không gặp được, vì chư Phật đã trở về chỗ của mình. Văn Thù Thi Lợi lại đến chỗ nhóm họp của chư Phật, thấy có một người nữ ngồi thiền định bên Đức Phật. Văn Thù Thi Lợi vào đánh lễ Phật rồi thưa: “Vì sao người nữ này được nhập định gần Đức Phật, mà con không được?”

Đức Phật bảo: Thầy đến thức người nữ này ra khỏi Tam muội, rồi tự hỏi người đó. Văn Thù Thi Lợi liền gảy móng tay để thức mà cô không tỉnh, gọi lớn vẫn không tỉnh, cầm tay kéo cũng không dậy, lại dùng thần thông làm rung động cả đại thiên thế giới nhưng vẫn không tỉnh.

Văn Thù Thi Lợi thưa: Bạch đức Thế tôn! Con không thể đánh

thức người ấy được. Bấy giờ, Đức Phật phóng hào quang lớn xuống phương dưới, trong đó có Bồ tát Khí Chư Cái từ phương dưới đến chỗ Phật, đánh lễ Ngài, đứng về một bên. Đức Phật bảo Bồ tát Khí Chư Cái: “Thầy hãy đánh thức người nữ này!” Bồ tát vừa gảy móng tay thì người nữ liền ra khỏi Tam muội.

Văn Thù Thi Lợi thưa: Vì lý do gì mà con làm rung động ba ngàn đại thiên thế giới cũng không thức tỉnh được người ấy, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái chỉ gảy móng tay liền ra khỏi Tam muội?

Đức Phật bảo Văn Thù Thi Lợi: Thầy do người nữ này mới phát tâm Bồ đề. Người nữ này lại do Bồ tát Khí-chư-ái mới phát tâm Bồ đề. Vì thế, thầy không thể đánh thức được. Thầy đối với Tam muội công đức của chư Phật chưa đầy đủ, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái trong Tam muội lại được tự tại, trong Tam muội Phật mới ít nhiều được thâm nhập mà được tự tại thôi.

Thuật viết: Nếu tóm lược thì có 1,2 văn kinh tán thán pháp tu tập thiền định, tự tìm bên ngoài sẽ hiểu rõ đầy đủ như pháp tọa thiền, nghi thức pháp quán của đại thừa, tiểu thừa đầy đủ hơn còn trong mười quyển quán môn. Học giả nên riêng tìm hiểu, không nói rõ nơi đây.

THỨ SÁU: TRÍ TUỆ

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Có hai thứ trang nghiêm, trí tuệ là tối thắng, theo thứ lớp là phẩm thứ ba. Trí tức là không ngu si nên Kinh dạy: Năm độ không có trí tựa như mù tối. Thế nên, Bát nhã (trí tuệ) tối thắng vượt khỏi thế gian, phá trừ các hữu. Thích luận ghi: Phật là mẹ của chúng sanh, Bát nhã có thể sanh Phật, thế thì trí tuệ tức là tổ tiên của chúng sanh. Sách ngoài nói: Bạc hiền triết được tôn kính vẫn phải nói là ráng bắt chước cái đức: “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí” mới gọi là thể hiện đạo Khổng Ni. Nên chỉ có pháp trí tuệ không thể không tu nhân của xuất thế, không nên phí bỏ huân tập, có thể diệt được tối tăm lớn. Ví như, mặt trăng tròn chiếu sáng ba đường, mới từ bỏ các độc hại, tựa như mài giữa hết các góc rẽ xấu ác, đâu có thể chịu những thứ ấy mà chìm mãi trong mê mờ, nhận mọi sự ràng buộc lẫn nhau, tâm ngã càng kết chặt, thường nhiều tham ái, luôn lấm vô lượng minh, chưa hiểu rõ nhân duyên, không tu đối trị. Cho nên, dồn nén kiêu mạn như núi Tung hoa cao cheo leo, nước ái mênh mông

rộng như bể khơi, hoặc ngang ngược chấp Đoạn, Thường, so sánh thiên lệch tức xa lìa, thần vàng thần trắng, ta biết ta thấy, một bước những thường, năm bờ cháy mãi, học bò ăn cỏ, nhai nuốt phân như chó, hay luận đầy sự thật thấp hèn, sao biết được tông chỉ trung đạo, hay ngăn cấm giữ gìn bốn lỗi, đâu có thể ngộ được yếu chỉ đại thừa. Hoặc cho là vì vô minh mới sanh Giác, kỳ thật ngoài ra không biết, việc thế giản thường, vâng dạ cho ấy cho là quý, hoặc lại nói Phi tướng, Hữu tướng là chứng Niết bàn, tính toán cõi Tự tại có thể thành thế giới, ngu si mê mờ lầm tưởng xem ngón tay mà tìm trăng, giữ gốc cây mà đợi thỏ, cỏ thơm hôi chưa rõ, đâu phân biệt, đậu hay lúa, tuy biết vui cười mà chưa dứt, chạy theo sự nhận biết mà cho là cùng với con đười ươi không khác. Vì không biết lý không thường là vô minh. Phàm là tâm điên đảo đều là tà kiến. Trú trong năm phiền não chưa giảm một mảy may, một trăm lẻ tám kiết sử trói buộc chẳng chịt vẫn còn trong đó. Cho nên, Bồ tát vì cầu tám chữ mà không tiếc thân mạng, sợ trong duyên gặp khổ mà thối lui, vì thế tự khắc phục tâm mình, giữ tâm chí cho bền chắc.

Thứ 2: Duyên cầu pháp

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Bồ tát là vì cầu pháp. Người có khả năng bố thí pháp, nói: “Nếu người có thể chặt thân thành bảy phần ném vào đồng lửa ta sẽ nói pháp cho người”, Bồ tát nghe vậy vui vẻ vô lượng, nghĩ: “Ta vì pháp còn không tiếc thân mạng, vào trong các đường ác của địa ngục A tỳ chịu khổ vô lượng, hướng chi vào đồng lửa nhỏ ở thế gian mà được nghe pháp.”

Kinh Tập Nhất Thiết Công Đức Tam Muội dạy: Ở đời quá khứ lâu xa, đức Phật Thích Ca làm vị Tiên nhưn đặc năm thông gọi là Tối thắng. Lại theo luận Trí Độ dạy: Đức Phật Thích-ca-văn khi xưa còn làm Bồ tát gọi là Lạc pháp. Khi ấy, thế gian không có Phật, không nghe được pháp lành, cầu pháp bốn phương tinh tấn không giải đãi mà không thể được. Bấy giờ, có ma biến làm Bà-la-môn, nói: Ta có một bài kệ của Phật thuyết, người có thể lấy da làm giấy, dùng xương làm viết, máu làm mực để viết kệ này, ta sẽ cho ông. Khi ấy, Bồ tát Pháp Lạc nghĩ: Ta nhiều đời tan thân vô số mà không được lợi này, liền vùi vàng lột da, để khô muốn viết kệ vào đó, ma liền diệt thân. Khi ấy, Phật biết tâm chí thành Bồ tát, liền từ phương dưới hiện lên nói pháp sâu xa, Bồ tát liền được Pháp nhãn vô sanh.

Kinh Niết Bàn dạy: Vì nhân duyên cầu pháp mà khoét thân làm đèn, buộc da thịt lại dùng dầu tô rưới lên đốt để làm tim đèn. Bấy giờ,

Bồ tát chịu khổ nóng bức, tự trách tâm mình nói, khổ trong địa ngục còn gấp trăm ngàn vạn lần khổ này, không thể sánh bằng. Người ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp chịu khổ đau lớn đều không có lợi ích, nếu người không chịu khổ nhẹ này thì làm sao ở trong địa ngục cứu khổ chúng sanh? Đại Bồ tát lúc ấy quán, thân không biết khổ nên tâm không thối, không động, chuyển. Khi đó, Bồ tát tự hiểu sâu xa định của ta sẽ đắc quả A-nậu-bồ-đề. Bấy giờ, Bồ tát các phiền não chưa đoạn được, vì nhân duyên cầu pháp có thể dùng đầu mắt tay chân tủy não máu thịt bố thí cho chúng sanh, dùng đỉnh đóng vào thân, lao vào hang núi sâu phát ra lửa. Bồ tát tuy chịu vô lượng khổ như vậy mà tâm vẫn không thối chuyển, không lay động. Bồ tát biết được định của ta nay tâm đã không thối chuyển, sẽ đắc A-nậu-bồ-đề.

Kinh Đại Tập dạy: Bồ tát vì nghĩa của một chữ, một câu có thể dùng vật quý giá của mười phương thế giới để dâng cho Pháp vương, chỉ do nhân duyên một bài kệ mà bỏ thân mạng. Tuy ở trong vô lượng hằng hà sa kiếp tu tập bố thí cũng không bằng một lần nghe về Bồ đề mà tâm hoan hỷ, thích nghe, thích nói chánh pháp, thường được chư Phật và chư thiên hộ niệm. Do năng lực nhớ nghĩ mà đối với tất cả kinh điển, sách luận ở thế gian, đều có thể thông suốt.

Kinh Đại Phương Tiện Báo Ân dạy: Bồ tát luôn siêng năng cầu thiện tri thức để nghe pháp Phật, cho đến nghĩa một câu một bài kệ thì phiền não trong ba cõi đều tiêu sạch. Bồ tát khi chí tâm cầu lời dạy của Phật, khao khát pháp sâu nặng không tiếc thân mạng. Giả sử giẫm trên đồng sắt nóng, lửa hừng vẫn không cho là họa. Bồ tát vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng huống nữa mười hai bộ kinh. Vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng huống nữa tài vật khác. Vì lợi ích của nghe pháp mà thân được an lạc, sanh tín tâm, chánh tâm, chánh kiến, thấy người thuyết pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, chỉ vì chúng sanh chí tâm nghe pháp không vì lợi dưỡng, chỉ vì chúng sanh không vì lợi mình. Vì chánh pháp nên không sợ những thứ giặc cướp, thú dữ, hổ lang, nóng lạnh, đói khát, nạn vua, trước để điều phục các căn phiền não của mình, sau mới nghe pháp.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Bồ tát dùng phương tiện cầu pháp như vậy, như có các vật trân báu vẫn không quý, tiếc, với các vật này không sanh tưởng khó, nếu được một câu pháp chưa từng nghe còn hơn được trân báu quý đầy trong cả ba ngàn thế giới. Nếu được nghe một bài kệ còn hơn được các địa vị vua Phạm thiên, Thích đề hoàn nơn, Chuyển luân thánh vương. Bồ tát thường nghĩ, nói: Ta lãnh thọ một câu pháp,

giả sử bị lửa đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới từ cõi trời Phạm thiên đè xuống thân ta, huống là lửa nhỏ. Ta chịu hết mọi khổ trong các địa ngục vẫn mong cầu pháp, huống gì các khổ nhỏ ở nhân gian! Vì cầu pháp nên phát tâm như thế, như pháp được nghe tâm thường hỷ lạc, ắt đều được chánh quán.

Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Nếu không thành tựu sáu pháp thì không thể xa lìa cấu đặc Pháp nhãn tịnh. Những gì là sáu? Một là không thích nghe pháp. Hai là tuy nghe pháp mà không lắng lòng nghe. Ba là không muốn hiểu biết. Bốn là chưa được pháp, không tìm cách cần cầu. Năm là nếu được pháp không khéo giữ gìn. Sáu là không chịu thuận theo. Nếu trái lại sáu pháp này thì xa lìa trần cấu đặc pháp nhãn tịnh. Kinh Vị tăng hữu dạy: Xưa, ở nước Tỳ-ma, núi Đô-đà có một con chồn bị sư tử đuổi, chạy rơi xuống một cái giếng, trải qua ba ngày, sắp chết tâm khai mở nói kệ:

*Tất cả đều vô thường
Hận không cho sư tử
Bởi lẽ thân buộc khổ
Tham mạng chết vô ích
Chết vô ích rồi hận
Lại dơ nước giếng người
Sám hối Phật mười phương
Nguyện xin tỏ tâm con
Thay đổi nghiệp ác trước
Đời hiện tại trả hết
Từ đây gặp thầy giỏi
Trọn tu hành thành Phật.*

Đế thích nghe kệ rồi, cùng tám vạn chư thiên đến bên giếng hỏi: Đã lâu, chưa nghe Thánh giáo nơi u tối này, nói pháp chẳng phải phàm, nguyện xin tuyên pháp lại.

Chồn trả lời: Đế thích vô lễ! Không biết thời nghi, Pháp sư ở dưới mà mình lại ở trên, trước không tu kính mà hỏi pháp căn bản. Khi ấy, Đế thích lấy y trời khoác vào cúi đầu sám hối, nhớ nghĩ: Xưa kia, ta từng nghe người đời nói trước phải trải tòa cao sau mới thỉnh pháp sư. Chư thiên liền cởi hết y báu chất lại thành tòa cao. Chồn thăng tòa thuyết pháp: Có hai nhân duyên lớn. Một là thuyết pháp giáo hóa trời người được phước vô lượng. Hai là được báo của ân cho ăn, được báo ấy vô lượng.

Thiên đế thưa: Thoát khỏi ách nạn giếng, công đức đó rất lớn.

Những ân gì không sánh bằng?

Đáp: Sanh tử đều đúng vậy. Có người ham sống lại có người ưa chết, có người ngu si không biết sau khi chết, lại có sanh, nên trái xa với pháp Phật, không gặp Minh sư, tham sống sợ chết, chết đọa địa ngục. Người có trí tuệ phụng sự Tam bảo, gặp được thầy giỏi bỏ ác làm lành. Những người như vậy, gặp ác ưa chết để sanh lên cõi trời.

Thiên đế thưa: “Như Thế tôn dạy “ Bảo toàn mạng sống vô ích, chí nguyện được cho sư tử ăn, cho pháp là thế nào”.

Đáp: Bồ thí thức ăn chỉ nuôi sống một ngày, bồ thí vàng bạc cứu nguy một đời càng tăng thêm sanh tử. Người thuyết pháp giáo hóa có thể làm cho chúng sanh thoát ra đọa ra thế gian, được quả Tam thừa, khỏi ba đường ác, hưởng an lạc cõi trời người. Vì thế Phật dạy: Dùng pháp bồ thí thì được công đức vô lượng.

Thiên đế thưa: Hôm nay, thân Pháp sư là nghiệp báo hay là ứng hóa?

Đáp: Là tội chẳng phải ứng.

Thiên đế thưa: Con cho là bậc Thánh mới biết được tội báo, không biết rõ tội ấy, nguyện xin được biết lý do.

Đáp: Ngày xưa, Ta làm con nhà nghèo trong thành Ba đầu ma, nước Ba-la-nại, dòng Sát lợi, lúc còn nhỏ rất thông minh đặc biệt thích học tập, đến năm mười hai tuổi theo Pháp sư vào núi, không bỏ một tí thời giờ, trải qua năm mươi năm, thông suốt chín mươi loại kinh sách đều nhờ ân Hòa thượng, công đức đó khó đáp đền. Do trước đã học, nhờ trí tuệ mới biết đời trước của mình làm vua, ăn chơi xa xỉ đắm say khoái lạc, phước hết qua đời, sanh vào địa ngục, súc sanh. Khi ấy, Đế thích cùng tám vạn chư thiên thọ mười pháp thiện, trở lại cung trời, Hòa thượng khi nào bỏ được tội báo này mà sanh lên cõi trời?

Chôn đáp: Chỉ sau bảy ngày xả báo thân này sẽ sanh vào cõi trời Đâu suất, các người có liền được sanh vào cõi trời đó có nhiều Bồ tát thuyết pháp giáo hóa bảy ngày qua đời, sẽ sanh vào cung trời Đâu suất, lại biết được mạng sống trước của mình thực hành mười điều thiện. Kinh Hiền ngu dạy: Đức Phật ở trong hồ rừng nước Ba la nại thuyết pháp vi diệu cho chư thiên và bốn chúng. Khi ấy, trong hư không có bảy ngàn năm trăm con nghe âm thanh của Phật rất thích thú, liệng quanh rồi muốn hạ xuống, gặp thợ săn giăng lưới, chim nhận bị mắc trong đó, bị thợ săn giết liền sanh vào cõi trời Đao lợi, ở trên đầu gối của cha mẹ đến tám năm thân tướng tráng kiện không ai bằng, ánh sáng như núi vàng, tự nghĩ nói: Do gì mà ta sống ở đây? Liền biết được phước báo

thích nghe pháp đời trước, bèn cầm hoa xuống chỗ Thế tôn cõi Diêm phù, đánh lễ, thưa: Con nhờ nghe pháp mà được sanh cõi trời tuyệt đẹp, nguyện xin Ngài giảng thuyết lại cho con. Đức Phật giảng pháp Tứ đế đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về trời, nói kệ:

*Dòng nước thuyền bơi Đến bờ bên kia
Muốn thoát sanh tử Trước có phước
tuệ Soi suốt Tam luân Lắng trong Lục
tế Dây cương điều ngựa Làm vàng mài
đá Dấu chân trong nước Cùng đánh
trói cỏ Năm nhĩn làm thêm Bốn cần
không bỏ Sóng tâm sâu thẳm Bụi trần
quyện mù Diệt sạch các nghiệp Đến
nơi đạo tràng.*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN
10)

